



## Chương bảy

### **ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1873 - 1955)**

- Thực dân Pháp xâm lược và các cuộc khởi nghĩa
- Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở Thủy Nguyên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- Phong trào yêu nước và Cách mạng Tháng Tám năm 1945
- Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1955)



## I. THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA

### 1. Thực dân Pháp xâm lược

Sáng ngày 1-9-1858, quân Pháp nổ súng vào cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc xâm lược nước ta. Từ đó, nhà Nguyễn liên tục nhượng bộ, nước ta mất dần vào tay thực dân Pháp. Sau khi đánh chiếm Nam Kỳ, quân Pháp ráo riết thực hiện âm mưu đánh chiếm Bắc Kỳ, mà đầu tiên là vùng đất Ninh Hải bên sông Cấm.

Giữa năm 1872, chiến hạm Pháp vào thám sát vịnh Hạ Long và ngày 30-10 vào sông Cấm. Ngày 8-11-1872, hai pháo hạm và thuyền buồm chở súng đạn của Pháp tự tiện kéo vào sông Cấm nhằm tìm cách thâm nhập đường sông vào nội địa. Tiếp đó, hai lần quân Pháp theo sông Cấm vào đánh thành Hà Nội. Ngày 23-10-1873, quân Pháp đánh chiếm vùng đất Ninh Hải (Hải Phòng). Trước sức ép của thực dân Pháp, ngày 15-3-1874, triều đình Huế buộc phải ký Hòa ước cho thực dân Pháp lập khu tô giới (nhượng địa) ở bến Ninh Hải và tiếp đó là Thương ước mở cửa Ninh Hải cho thương nhân Pháp và các nước tự do ra vào buôn bán. Đây cũng là mốc đánh dấu đặt nền móng hình thành nên đô thị - cảng biển Hải Phòng trên cơ sở một làng chài bên sông Cấm.

Trước yêu cầu chuẩn bị cho công cuộc khai thác bóc lột thuộc địa, ngày 11-9-1887, thực dân Pháp thành lập tỉnh Hải Phòng, trên cơ sở cắt phần đất của tỉnh Hải Dương, gồm các phủ huyện Thủy Nguyên (Thủy Đường đổi tên Thủy Nguyên từ năm 1886), An Lão, An Dương, Kiến Thụy. Tỉnh lỵ đặt tại Ninh Hải (nội thành Hải Phòng hiện nay). Một năm sau, do tốc độ đô thị hóa, ngày 19-7-1888, thành phố Hải Phòng nằm trong tỉnh Hải Phòng, được thành lập, gồm 13 ha khu nhượng địa (khu vực quanh trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố hiện nay). Tỉnh lỵ Hải Phòng chuyển sang Phủ Liễn. Ngày 31-1-

1898, thành phố Hải Phòng tách khỏi tỉnh Hải Phòng. Tỉnh Hải Phòng đổi tên là Phủ Liễn, sau đó là Kiến An.

Năm 1920, huyện Thủy Nguyên thuộc tỉnh Kiến An cùng với huyện Hải An (cắt từ huyện An Dương) được nhập làm vùng ngoại thành của thành phố Hải Phòng.

Từ năm 1883, thực dân Pháp chiếm Bắc Kỳ, về danh nghĩa, bộ máy cai trị của triều đình nhà Nguyễn vẫn được giữ nguyên bên cạnh bộ máy thực dân. Thực dân Pháp đã chiếm các tỉnh lỵ, phủ huyện nhưng công sở của Nam triều vẫn do quan lại người Việt đảm nhiệm. Bộ máy Nam triều chỉ có quyền về những vụ án dân sự, còn các vụ án liên quan đến chính trị thì do chính quyền bảo hộ xét xử. Bộ máy cảnh sát, an ninh của thực dân Pháp được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến cơ sở làng xã.

Thời vua Đồng Khánh, cuối thế kỷ XIX, trên địa bàn Thủy Nguyên có các đồn lũy, như đồn Thụy Lê ở xã Thụy Lê, đồn Ninh Hải (đồn thứ ba) ở địa phận xã Bính Động, đồn Phi Liệt ở xã Phi Liệt, đồn Kiên Bái ở xã Kiên Bái.

Khi thực dân Pháp đặt chân lên vùng đất Ninh Hải, cùng với cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Hà Nội, Hải Dương, dân chúng ở đây đã có nhiều hình thức phản kháng quyết liệt chống quân xâm lược. Từ khi vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương (năm 1885), phong trào kháng Pháp diễn ra sôi nổi. Ở Bắc Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Đốc Tít, Tiên Đức, Thống Ất, Mạc Đình Phúc lãnh đạo. Các cuộc khởi nghĩa này đều diễn ra trên địa bàn Thủy Nguyên hoặc có đông đảo người dân Thủy Nguyên tham gia.

### 2. Các cuộc khởi nghĩa kháng Pháp trên địa bàn Thủy Nguyên

#### 2.1. Cuộc khởi nghĩa Đốc Tít ở Trại Sơn và cù lao “Hai Sông” (1883 - 1889)

Đốc Tít, sinh năm 1853, tên thật là Mạc Văn Tích (Tiết), tự Tất Thắng, người làng Lưu

Thượng, nay thuộc thị trấn Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông đổi sang họ Nguyễn, về vùng này định cư, lấy vợ người làng Phù Lưu (nay thuộc xã Phù Ninh), Thủy Nguyên. Từ năm 1882, ông đã có những hoạt động chuẩn bị chống thực dân Pháp ở cù lao Hai Sông (sông Kinh Thầy, Kinh Môn), một vùng núi đá, sông nước hiểm trở. Ông đã từng tham gia diệt cướp ở phủ Kiến Thụy và Cẩm Giàng, được triều đình phong chức Quân tinh binh suất đội, rồi Cẩm suất đội. Năm 1885, khi có chiếu Cần Vương, ông gia nhập khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật. Tháng 10 năm Đồng Khánh thứ nhất (1886), vua Hàm Nghi phong cho ông chức Đốc Quân vụ Hải Dương nên mọi người thường gọi là Đốc Tít. Ông đã chọn động Thiên Khai, chùa Kim Liên và làng Trại Sơn (xã An Sơn, Thủy Nguyên), nơi địa thế hiểm trở có rừng núi, hang sâu, có cù lao đầy lau sậy kẹp giữ hai dòng Kinh Thầy - Bạch Đằng, làm căn cứ (được gọi là căn cứ Hai Sông).

Căn cứ Trại Sơn được xây dựng thành các phòng tuyến phòng ngự. Ngoài cùng là hào sâu, lũy cao, trồng tre gai xung quanh làng. Hang Thung, có địa thế cao, là nơi đặt hỏa lực và núi Hưng đặt tuyến xạ giới. Chùa Kim Liên là nơi đặt đại bản doanh được đào hào, đắp lũy, trồng tre bao quanh. Cuối năm 1883, đội quân của Đốc Tít đã có tới 600 người và 20 tướng lĩnh, đến cuối năm 1884 tăng lên trên nghìn người và 40 tướng lĩnh, trong đó có 2 người ở Trại Sơn, 2 người ở An Ninh Nội, An Ninh Ngoại. Tháng 8 năm Ất Dậu (1885), tại sân chùa Kim Liên, Trại Sơn, nghĩa sĩ hội quân tế cờ, tuyên thệ, nêu khẩu hiệu: *Linh sơn động chủ xuống nghĩa binh Tây*.

Phong trào khởi nghĩa lan rộng ra nhiều địa phương, liên kết chặt chẽ với cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên), với Tiên Đức ở Cát Bà. Nghĩa quân đã tổ chức nhiều trận đánh lớn, gây cho quân Pháp và triều đình nhà Nguyễn nhiều tổn thất. Tiêu biểu là các trận tấn công các đồn Đông Triều, Uông Bí (Quảng

Ninh), Tượng Sơn (An Lão, Hải Phòng), các huyện lỵ Gia Lộc, Tứ Kỳ, Kinh Môn (Hải Dương), đánh tàu chiến trên sông Đá Bạc (Thủy Nguyên)... Tháng 10-1888, thực dân Pháp huy động hơn một nghìn quân, có pháo binh, tàu chiến hỗ trợ, tấn công vào chùa Kim Liên, làng Trại Sơn nhưng bị nghĩa quân tập kích, bị tổn thất nặng. Cuối tháng 7-1889, Pháp tập trung binh lực bao vây và tấn công Trại Sơn. Chúng chia thành 4 đạo, vây chặt căn cứ trung tâm, dùng tàu chiến tuần tiễu ngày đêm trên các ngả sông quanh căn cứ. Nghĩa quân liên tục phải rút. Địch thắt chặt



*Súng thần công, hiện được lưu giữ tại miếu Bến Đò (xã Dương Quan)*

vòng vây, tăng cường truy quét và khủng bố nhằm cắt đứt mối liên hệ giữa nghĩa quân và nhân dân. Nghĩa quân tổ chức cuộc phá vây nhưng không thành. Để bảo toàn tính mạng cho nghĩa quân, Đốc Tít chấp nhận đàm phán ký hòa ước với Pháp, với điều kiện không được trả thù những người đã theo ông chiến đấu chống xâm lược. Cuộc đàm phán được tổ chức tại đình làng Phù Lưu Nội (xã Phù Ninh). Ông bị Hoàng Cao Khải, đại diện đàm phán của triều đình nhà Nguyễn, lừa bắt nộp cho Pháp (ngày 12-8-1889). Ông bị thực dân Pháp đày đi Angiêri. Mãn hạn tù, ông bị đưa về Pháp quản thúc và mất tại đó năm 1916. Sau này, thi hài ông được đưa về an táng tại quê nhà.



**2.2. Cuộc khởi nghĩa Tiên Đức (1885 - 1889)**

Tiên Đức là một trong những thủ lĩnh cùng Đốc Tít khởi xướng cuộc nổi dậy kháng Pháp ở Trại Sơn. Tháng 6-1885, ông cùng Lãnh Pha, Lãnh Hy, Đề Hồng, Đề Hẹn tổ chức nhiều trận đánh địch ở vùng Đông Triều. Sau một thời gian tham gia chỉ đạo đánh địch tại căn cứ Hai Sông, Tiên Đức được giao nhiệm vụ ra đảo Cát Bà xây dựng căn cứ, tạo thế lâu dài cho nghĩa quân Trại Sơn. Tiên Đức, Đề Hồng đã dựa vào địa hình hiểm trở, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố và cung cấp vũ khí, lương thực cho nghĩa quân ở Trại Sơn. Cuối năm 1889, quân Pháp đánh lên đảo. Tiên Đức và nghĩa quân rời Cát Bà. Cuộc khởi nghĩa kết thúc.

**2.3. Cuộc khởi nghĩa Mạc Đình Phúc (1896 - 1898)**

Cuộc khởi nghĩa do Mạc Đình Phúc lãnh đạo là cuộc nổi dậy cuối cùng của nhân dân Bắc Kỳ vào cuối thế kỷ XIX. Tuy khởi nghĩa không nổ ra trên địa bàn nhưng thu hút khá đông đảo nhân dân Thủy Nguyên tham gia.

Mạc Đình Phúc, tên thật là Nguyễn Khắc Tĩnh, người làng Bình Hà, huyện Thanh Hà, Hải Dương, vốn thuộc dòng họ Mạc ở Cổ Trai, Kiến Thụy. Từ năm 1895, ông đã bí mật tập hợp lực lượng. Năm 1897, nghĩa quân tổ chức lễ tế cờ, tuyên bố khởi nghĩa. Ông tự xưng Hoàng đế, nêu cao khẩu hiệu “*Bình Tây, diệt Nguyễn*”, khôi phục nhà Mạc. Đây là cuộc khởi nghĩa mang nặng màu sắc tôn giáo. Ông tuyên truyền nghĩa quân có phép thần (bôi bột màu xanh), gọi là Mạc Thiên binh, nên không cần sắm súng đạn, mà chỉ dùng gươm giáo, gậy gộc. Phong trào kháng Pháp của Mạc Đình Phúc và Kỳ Đồng phát triển khắp các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Kiến An, Quảng Ninh... Ở một số làng xã Thủy Nguyên, nhiều thanh niên gia nhập các đội quân Mạc Thiên binh. Ngày 13-12-1897, nghĩa quân đánh vào

thành Hải Dương, bao vây huyện lỵ Ninh Giang, Vĩnh Bảo và đêm ngày 17-12-1897, tập kích thành phố Hải Phòng. Cuộc khởi nghĩa thất bại sau 3 năm hoạt động.

**2.4. Khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng (1927 - 1930)**

Năm 1927, Việt Nam Quốc dân đảng, tổ chức yêu nước của tiểu tư sản, trí thức do Nguyễn Thái Học lãnh đạo, thành lập. Đảng này đã có những hoạt động tích cực và xây dựng được cơ sở ở Câu Tử (Hợp Thành), Thường Sơn, Thủy Tú (Thủy Đường), Dương Động (Minh Tân)... Đáng kể nhất là 2 chi bộ ở Câu Tử và Dương Động. Chi bộ Dương Động, do Vũ Đình Anh lãnh đạo, đã tập hợp nhiều thanh niên, mua sắm vũ khí, chế tạo bom (vỏ bằng xi măng), tổ chức luyện tập quân sự. Ngày 15-2-1930, Đảng này đã tiến hành cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái và các địa phương. Cuộc khởi nghĩa đã bị thực dân Pháp khủng bố dã man, Việt Nam Quốc dân đảng bị tan rã. Các đảng viên và Bí thư chi bộ Vũ Đình Anh ở Dương Động, Bùi Tống Thủy ở Câu Tử bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo (Tại nhà tù đế quốc, 2 người được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam).

**II. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI Ở THỦY NGUYỄN CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX**

**1. Chính trị**

Từ ngày 11-9-1887, huyện Thủy Nguyên thuộc về tỉnh Hải Phòng (sau đó là tỉnh Phủ Liễn, rồi Kiến An) và từ năm 1920, thuộc ngoại thành thành phố Hải Phòng.

Sau khi hình thành các địa hạt hành chính cấp tỉnh, thực dân Pháp tiến hành củng cố hệ thống chính quyền tay sai, trên cơ sở giữ nguyên bộ máy của chính quyền phong kiến. Ở tỉnh Kiến An, bên cạnh Tỉnh trưởng có viên Công sứ người Pháp và bộ máy cảnh sát, mật thám, đồn binh. Ở thành phố Hải Phòng

(nhượng địa), đứng đầu là Đốc lý, dưới đó là các hộ phố. Huyện Thủy Nguyên, Hải An, dù là ngoại thành thành phố Hải Phòng, nhưng bộ máy cai trị vẫn giữ nguyên như triều Nguyễn. Đứng đầu là Tri huyện, dưới là Chánh tổng (gồm nhiều làng xã), các làng xã là Lý trưởng. Cận đó là hệ thống quân sự, cảnh sát, mật thám lại do thành phố quản lý. Khu vực Núi Đèo được bố trí thành khu quân sự khá mạnh, không chỉ làm nhiệm vụ duy trì trật tự trên địa bàn mà còn bảo vệ phía Bắc thành phố và con đường huyết mạch đi vùng mỏ.

**2. Kinh tế - xã hội**

Từ cuối thế kỷ XIX, vùng đất Hải Phòng từng bước được đô thị hóa, trở thành cửa khẩu giao lưu quốc tế, trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn nhất Bắc Kỳ. Thủy Nguyên là địa bàn nằm sát thành phố, có vị trí chiến lược về kinh tế, quân sự, đã sớm bị cuốn hút vào quá trình phát triển đó. Thủy Nguyên cũng trở thành cơ sở khai thác, cung cấp, vận chuyển đá, phụ gia và các nguyên liệu khác cho nhà máy xi măng Hải Phòng. Hệ thống giao thông được xây dựng. Đường 10A, từ Ninh Bình qua Thái Bình, Kiến An vào nội thành Hải Phòng qua phà Bính - núi Đèo - phà Rừng; đường 10B (Từ Quán Toan qua phà Kiền, Trịnh Xá đến núi Đèo), sau này thêm đường 200 từ Trịnh Xá đi Mạo Khê, nối phía Nam đồng bằng sông Hồng với Hải Phòng và vùng mỏ, chạy qua địa bàn, tạo cho Thủy Nguyên một thế địa chiến lược kinh tế và quân sự hết sức quan trọng.

Ở Thủy Nguyên, như bao làng quê Việt Nam, thực dân Pháp tăng cường vai trò của giai cấp địa chủ làm cơ sở xã hội, chỗ dựa cho hệ thống cai trị. Do vậy, chúng đã có những chính sách nhằm khuyến khích địa chủ chiếm đoạt ruộng đất và bản cùng hóa nông dân. Trước năm 1920, toàn tỉnh Kiến An có

(1) Thành ủy Hải Phòng, *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng* tập I, NXB Hải Phòng, 1999.

41 địa chủ chiếm từ 50 đến 100 mẫu thì ở Thủy Nguyên có 02 địa chủ lớn: Nguyễn Thừa Đạt chiếm gần 1.000 mẫu ở vùng Phục Lễ, Lập Lễ, Phả Lễ và Hậu Tuất ở Lôi Động có hàng trăm mẫu thượng đẳng điền... Ngoài ra, tầng lớp địa chủ vừa và nhỏ có trên chục mẫu thì hầu như làng xã nào cũng có. Ngược lại, phần đông nông dân Thủy Nguyên không có ruộng hoặc thiếu ruộng để cày cấy: 7.861 hộ, chiếm 61% số hộ trong huyện (toàn tỉnh Kiến An là 36.970 hộ, chiếm 64,8%)<sup>(1)</sup>. Phần nhiều nông dân buộc phải đi cày thuê, cuốc mướn hoặc lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. Sau khi nộp các khoản tô cho chủ đất, thuế cho nhà nước, họ không còn mấy hạt thóc trong nhà.

Chế độ thuế khóa rất nặng nề. Chính quyền thực dân tăng mức thuế và đặt thêm nhiều thứ thuế mới: Thuế thân, thuế cư trú, thuế nộp cho ngân sách Đông Dương, ngân sách hàng tỉnh, các khoản phụ thu phục vụ cho bộ máy chính quyền làng xã... Dã man và phi lý nhất là thuế thân (thuế đinh). Theo nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ, ngày 11-12-1919, những người từ 18 đến 60 tuổi (Nội đinh - Inscrit) phải đóng một suất thuế thân là 2,5 đồng (trước đó là 1,4 đồng), trong khi đó một thúng thóc (khoảng 20 kg) là 2 hào. Nghị định này còn qui định cứ 5 năm tính lại một lần, nên trong thời gian ấy, những người đã chết vẫn phải đóng thuế. Ai không có thể thuế thân sẽ bị bắt giữ khi đi đường và không thể kiếm được việc làm thuê. Cuộc sống của người nông dân hết sức túng quẫn, không lối thoát.

Từ những làng xã phong kiến cổ truyền, sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp đã làm cho làng quê bị xáo trộn lớn. Những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, đồng bóng, bói toán được khuyến khích phát triển. Bằng các thủ đoạn bóc lột thâm độc của thực dân - phong kiến,



nông dân ngày càng bị bần cùng hóa. Tình trạng thất nghiệp, nửa thất nghiệp lan tràn ở nông thôn. Khá đông dân nghèo Thủy Nguyễn rời bỏ làng quê ra vùng mỏ Uông Bí, Vàng Danh, Mạo Khê, sang Hải Phòng làm bốc vác ở Cảng, làm phu kéo xe tay, vào sở Xi măng, máy Chai, đi phu ở đồn điền cao su Nam Kỳ, Tân Thế Giới hoặc xuống tàu biển làm thủy thủ lệnh đênh khắp các bến cảng trong và ngoài nước. Những người ở làng quê phải cày thuê, cuốc mướn hoặc gồng gánh trên vai chạy chợ... Chế độ giáo dục cũng rất hạn chế. Cả huyện chỉ có một trường tiểu học toàn cấp (tương đương phổ thông cơ sở hiện nay), một số tổng (gồm nhiều làng xã) có một trường sơ học. Một học sinh muốn thi lấy bằng tiểu học phải học qua 3 trường: Trường tổng (dạy học sinh biết đọc, biết viết và làm 4 phép tính); trường huyện để thi sơ học yếu lược (tương đương lớp 3 hiện nay) và trường tỉnh để thi tiểu học. Tổng cộng phải mất 6 năm. Do đó, phần lớn con em dân nghèo không thể theo học được.

### III. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

#### 1. Phong trào yêu nước và đấu tranh đòi dân chủ

Từ năm 1925, phong trào dân chủ đòi cải cách hương thôn diễn ra khắp nơi. Ở Thủy Nguyễn, nhiều làng xã, những thanh niên tiến bộ đã tập hợp nhân dân đấu tranh đòi cường hào, lý dịch không được phụ thu, lạm bổ, xóa bỏ những hủ tục nặng nề; chống sưu cao, thuế nặng; chống nạn “xôi thịt”, bè phái trong làng...

Năm 1928, trên địa bàn Thủy Nguyễn hình thành các cơ sở của phong yêu nước do Việt Nam Quốc dân đảng lãnh đạo. Hoạt động của đảng này chưa thu hút được đông đảo dân chúng tham gia. Sau cuộc khởi nghĩa đầu năm 1930, phong trào đã bị thực dân Pháp dập tắt.

#### 2. Phong trào cách mạng

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sau khi dự hội nghị thành lập Đảng ở Hương Cảng, trở về nước, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh tiến hành thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hải Phòng. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng của công nhân và phong trào yêu nước của nông dân, các tầng lớp dân nghèo thành thị, trí thức, học sinh... phát triển mạnh.

Những năm 1932 - 1935, các thủy thủ yêu nước trên tàu biển đã góp nhiều công sức để khôi phục cơ sở Đảng và phong trào cách mạng. Họ tham gia làm giao thông liên lạc chuyển giao tài liệu, sách báo trên các tàu biển chạy tuyến Hải Phòng - Sài Gòn - Pháp, Hải Phòng - Hương Cảng - Thượng Hải (Trung Quốc) về nước. Trong số này, có một số thủy thủ là người Thủy Nguyễn. Công văn số 6551-S, ngày 4-12-1933, của mật thám Pháp ghi: *Mật thám Pháp đã đặc biệt lưu ý tới các thủy thủ Le Huu Duoi (Lê Hữu Duôi), số thủy thủ 448, sinh năm 1897, người làng Tả Quan (xã Dương Quan). Bui Van Gi (Bùi Văn Gi), tức Thanh, An, số thủy thủ 262, người làng Lỗi Dương (xã Tân Dương). Nguyen Van Phao (Nguyễn Văn Phao), số thủy thủ 4387, sinh năm 1905, người làng Đông Lý (xã Mỹ Đông)* (1)...

Năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp, nòng cốt là Đảng Cộng sản Pháp, lên nắm chính quyền đã thi hành một số quyền tự do, dân chủ cho các nước thuộc địa: Trả tự do cho tù chính trị; cho phép tự do báo chí, ngôn luận, lập hội, biểu tình... Ở Hải Phòng, số đảng viên từ nhà tù đế quốc trở về nhanh chóng tập hợp, nối liên lạc với Trung ương và lập lại Thành ủy. Phong trào đòi quyền dân sinh, dân chủ từ thành thị là luồng gió mới

(1) Công văn số 6551-S, ngày 4-12-1933, tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng.



*Bốt cầu Giá (xã Lưu Kiếm) - nơi giặc cho cán bộ, đồng bào vào bao, nhồi đá trôi sông*

thổi về nông thôn. Nông dân nhiều làng xã ở Thủy Nguyễn đứng lên chống sưu cao thuế nặng, chống địa chủ cường hào, lý dịch hà hiếp, đục khoét dân lành và đòi cải cách hương thôn. Nông dân các làng Nhân Lý, Lâm Động, Tràng Kênh, Phi Liệt... nổi dậy đánh địa chủ, lính đoan. Thanh niên Dương Động đấu tranh chống âm mưu chia làng của chức dịch... Một số thanh niên tiến bộ cũng tham gia phong trào “*Hướng đạo sinh*” của các trường học trong thành phố Hải Phòng. Sách báo tiến bộ được lưu hành nhiều và được lớp trẻ tìm đọc.

Trong khi đó, nhiều thợ thuyền, học sinh, người Thủy Nguyễn tích cực tham gia hoạt động ở các nhà máy, bến cảng, hầm mỏ. Họ đã truyền tinh thần đó về quê hương, góp phần giác ngộ cách mạng cho những nông dân nghèo bị áp bức, bóc lột. Trong số này, tiêu biểu là thủy thủ Bui Van Cat (Bùi Văn Cật), người làng Phương Lãng (Hoa Động). Công văn của mật thám Pháp, số 1983-S, ngày 3-2-1939, ghi: *“Bui Van Cat, sinh năm 1906, tại làng Phương Lãng, tổng Hoàng Pha, huyện Thủy Nguyễn, là thư ký Hội Ái hữu những người thủy thủ Đông Dương của Marine marchan de HaiPhong... Hội này đã*

*chỉ định Cat và Tinh (Tinh) để tiếp nhận những thông tin của nhóm Mácxây”* (1).

Tháng 12-1938, 14 thủy thủ Việt Nam “*Có mối quan hệ với Đảng Cộng sản Pháp*”, trong đó có 6 người Thủy Nguyễn, đã bị chủ tàu D'Artagnan thả hồi. Hội cứu tế nhân dân Việt Nam tại Pháp đã gửi 1.400 phờrăng để trợ giúp. Mật thám Pháp đã ghi tên những thủy thủ trên, trong đó có Nguyễn Văn Lách (làng Tân Dương), Nguyễn Văn Tiêu, Lê Văn An, Nguyễn Văn An (làng Lỗi Dương), Phạm Văn Hành (làng Phù Liễn), Lê Văn Giai (làng Tả Quan).

Thời kỳ này, Xứ ủy Bắc Kỳ và Khu ủy B đặc biệt chú ý đến Thủy Nguyễn - địa bàn quan trọng trong hệ thống giao thông liên lạc giữa Hải Phòng và vùng mỏ. Các điểm Núi Đèo, Trúc Động, Dương Động được chọn đặt cơ sở trên tuyến giao thông này. Nguyễn Phú Thập (tức Cảnh), người làng Dương Động, tổng Dương Động, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên được giác ngộ cách mạng, tích cực tham gia xây dựng cơ sở giao thông ở chùa Trúc Động (xã Lưu Kiếm) và hang Vua làng Dương Động. Do vậy, năm 1939, trên địa bàn Thủy Nguyễn đã hình thành đường dây liên lạc Hải Phòng - Núi Đèo - Trúc Động và Dương Động - Uông Bí - Vàng Danh - Quảng Yên - Hòn Gai...

Tháng 2-1940, chi bộ Đảng Cộng sản ở Dương Động được thành lập, gồm 3 đảng viên: Nguyễn Phú Thập (Nguyễn Phú Cảnh), Hồ Xuân Vang, Nguyễn Phú Toán, do Nguyễn

(1) Công văn của mật thám Pháp, số 1983-S, ngày 3-2-1939, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng.





*Lô cốt của thực dân Pháp trên đỉnh cao 88,9 mét trên địa bàn xã Thủy Sơn*

Phú Thập làm Bí thư. Đây là chi bộ đầu tiên do Liên Tỉnh ủy B thành lập và chỉ đạo, có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng giữ vững sự chỉ đạo của Đảng để duy trì, khôi phục phong trào cách mạng của Hải Phòng và vùng Mỏ.

Tháng 2-1940, chi bộ Đảng Cộng sản làng Dương Động lập tổ Thanh niên phản đế, có trên ba chục thanh niên trung kiên. Sau khi dự lớp huấn luyện quân sự do Liên tỉnh B mở tại Chí Linh, đồng chí Nguyễn Phú Thập tiến hành lập tổ tự vệ. Anh em tự vệ thường xuyên bí mật luyện tập võ tại khu vực hang Vua, vừa có nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vừa đưa đón cán bộ, chuyển giao tài liệu của Đảng.

Sau khi phát xít Nhật đổ quân vào Hải Phòng, mở đầu đánh chiếm Việt Nam trên qui mô lớn, Núi Đèo trở thành một điểm bị quân Nhật chiếm đóng ngay từ đầu. Các đảng Đại Việt quốc gia liên minh, Đại Việt dân chính, Thanh niên Ái quốc đoàn... do Nhật dựng lên ráo riết hoạt động. Rạng sáng ngày 5-5-1941, do có kẻ khai báo (một cán bộ đã từng hoạt động qua đường dây này), mật thám Pháp ở Hải Phòng về Dương Động bắt đồng chí Bí thư chi bộ Nguyễn Phú Thập và hai giao thông viên của Xứ ủy. Đầu tháng 6-1941, Tuần phủ Quảng Yên cho lính về bắt toàn bộ số đảng viên và thanh niên phản đế của làng Dương Động, tổng cộng trên 30 người. Số đảng viên

và thanh niên phản đế này đã bị địch xử tù từ 3 đến 5 năm, giam tại Hỏa Lò, Hà Nội và nhà tù Sơn La. Riêng đồng chí Nguyễn Phú Thập, tháng 11-1943, bị tòa án thực dân tại Hà Nội xử: *“Nguyễn Phú Cảnh, tức Phát, 20 năm tù khổ sai, 20 năm quản thúc... ngoài ra tịch thu tất cả tài sản hiện có và đưa ra tòa bổ sung vào công quỹ Nhà nước... Bản án này được chấp hành ngay tức thì, không thể có sự chống*

*án nào trước tòa án quân sự”*<sup>(1)</sup>. Sau vụ khủng bố ở Dương Động, quân Pháp còn gây ra nhiều vụ khám xét và bắt một số thanh niên ở làng Phương Lãng (Hoa Động), An Ninh (An Sơn)...

Từ năm 1942, phong trào cách mạng ở Thủy Nguyên bắt đầu phát triển và từng bước hình thành các trung tâm ở các khu vực trong huyện:

- Khu vực Hoàng Pha, Trinh Hưởng, Phương Mỹ, Mỹ Cự, Phù Lưu, Doãn Lại, do ông Hoàng Ngọc Lương, Phạm Văn Duyệt tổ chức.

- Khu vực tổng Phục Lễ, do ông Bùi Bá Ngôn phụ trách. Các tiểu tổ Việt Minh, Cứu quốc được thành lập và phong trào lan rộng toàn tổng, gồm Phục Lễ, Phả Lễ, Du Lễ, Đoan Lễ, Do Lễ, Nghi Lễ. Cuối năm 1943, một số nhóm thanh niên cách mạng hình thành.

- Khu vực Chung Mỹ, Kinh Triều, Khuông Lư, Mi Sơn... một nhóm thanh niên yêu nước được đảng viên Đảng Dân chủ, ông Trương Đức Dục tuyên truyền, giác ngộ.

- Năm 1942, một tổ gồm những thanh niên ở các làng Tả Quan, Trịnh Xá được tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, do ông Nguyễn Văn Bùi tổ chức. Nhóm thanh niên này đã

(1) Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng.

tiến hành một số hoạt động tuyên truyền và vận động nông dân chống bóc lột, vạch mặt bọn chức dịch trong làng xã tham nhũng, nhưng chưa gây được ảnh hưởng rộng rãi trong dân chúng.

- Tháng 8-1944, một số đảng viên ở Dương Động từ nhà tù đế quốc trở về tiến hành khôi phục lại chi bộ Đảng, gồm 4 đảng viên, do ông Đỗ Đức Thiệm (Lê Huy) làm Bí thư.

Như vậy, từ cuối năm 1944 đến đầu năm 1945, Thủy Nguyên đã hình thành các khu vực có phong trào của tổ chức Việt Minh và Thanh niên cứu quốc. Những hoạt động của các nhóm đã thúc đẩy phong trào cách mạng lan rộng trong toàn huyện.

### 3. Khởi nghĩa giành chính quyền

Đêm ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Phát-xít Nhật thi hành chính sách mua chuộc, lừa bịp kết hợp với thủ đoạn khủng bố tàn bạo. Bộ máy tay sai ở các địa phương vẫn được giữ nguyên. Các đảng phái, đoàn thể thanh niên, phụ nữ... thân Nhật được thành lập.

Đến đầu năm 1945, trên địa bàn Thủy Nguyên hình thành nhiều khu vực có phong trào của tổ chức Việt Minh và Thanh niên cứu quốc. Các nhóm Việt Minh này đã đẩy mạnh tuyên truyền vận động, tập hợp nhân dân và thành lập tổ tự vệ cứu quốc. Tiêu biểu là các khu vực Dương Động, Phương Mỹ, Mỹ Cự, Trinh Hưởng, Chung Mỹ, tổng Phục Lễ (gồm Phục Lễ, Phả Lễ, Du Lễ, Đoan Lễ, Do Lễ, Nghi Lễ). Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), phong trào xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa ở Thủy Nguyên diễn ra sôi nổi.

Chùa Phương Mỹ (Mỹ Đông) là địa điểm liên lạc, nơi hội họp của các cán bộ cách mạng. Chùa An Lư là nơi cất giữ vũ khí, ấn loát tài liệu, truyền đơn. Để tiếp tục gây thanh thế sau các trận thắng lớn ở Đông Triều, Chí Linh, Mạo Khê, Bí Chợ, một tổ du kích quân của chiến khu cùng tự vệ vùng thượng huyện Thủy Nguyên, tổ chức tập kích huyện đường ở Trịnh Xá, tước vũ khí của lính địch. Lực lượng ta xuất phát từ Cầu Tử, tập kết tại chùa Phương Mỹ, do sự cố bất ngờ phải hoãn lại. Bốn ngày sau, cuộc tập kích lại được tiến hành. Do thống nhất từ trước, Tri huyện Thủy Nguyên lấy cớ sang Kiến An gặp Tỉnh trưởng, chiều ngày 24-7-1945 (ngày 16-6 Ất Dậu), lực lượng ta, gồm hai tiểu đội, với vài khẩu súng trường, súng lục, bất ngờ đột nhập huyện đường. Một tổ 4 người gài mìn và lập vật cản ở hai đầu cầu Trịnh Xá để phòng quân Nhật ở Núi Đèo có thể kéo đến. Người của ta đóng giả sĩ quan Nhật và thông ngôn (phiên dịch) tiến vào huyện đường, ra lệnh cho viên cai (chỉ huy), vốn là hội viên cứu quốc, tập hợp lính để kiểm tra vũ khí. Nhận được ám hiệu, quân ta ập vào thu toàn bộ súng đạn đã được xếp gọn gàng. Số anh em binh lính, đa phần là hội viên cứu quốc hoặc



*Bến Lãm (xã Lãm động) - một cơ sở giao thông liên lạc trong thời kỳ chống Pháp*





Chiếc đòn càn của đồng chí Sứy đánh tên quan hai Pháp và chiếc ba chia của du kích Thủy Nguyên được trưng bày ở Bảo tàng thành phố

có cảm tình với cách mạng, rất vui mừng. Số ít còn lại hoảng sợ không dám hành động. Số vũ khí trên được các chiến sĩ chuyển ngay vào chiến khu Đông Triều. Trên đường đi, gặp 6 chiếc thuyền chở thóc thuế nộp cho Nhật, anh em tiến hành tịch thu và cùng chuyển luôn vào chiến khu. Hai ngày sau, Tri huyện lại phải xin trên và được cấp 15 súng trường. Số vũ khí này cũng được bí mật chuyển vào chiến khu.

Cũng thời gian này, tự vệ tổng Phục Lễ phối hợp với tự vệ huyện Yên Hưng (Quảng Yên) tập kích đồn Cát Hải, thu được 9 khẩu súng và một số đạn. Tự vệ và mặt trận Việt Minh tổng Kinh Triều, Dưỡng Động, Trúc Động... tích cực hoạt động. Chính quyền tay sai ở các làng xã hoảng sợ, nằm im, không

dám hung hăng như trước. Tuy nhiên, những tên phản động trong các đảng phái thân Nhật vẫn chống phá phong trào cách mạng quyết liệt. Ở Núi Đèo, Trịnh Xá... các nhóm Đại Việt từ Hải Phòng, Quảng Yên bắt mối sang hoạt động ráo riết. Chúng công khai tuyên truyền nói xấu Việt Minh, tập hợp tay chân để lập lực lượng vũ trang, làm chỉ điểm cho giặc Nhật. Tự vệ đã phối hợp với cơ sở cách mạng ở Trịnh Xá kịp thời trừ khử tên Hải Ấn, đảng viên Đảng Đại Việt, giả danh nhà sư, làm chỉ điểm cho giặc Nhật. Tiếp đó, một số tên lý trưởng, vệ sĩ gian ác cũng bị tự vệ các địa phương trừng trị thích đáng. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương.

Từ cuối năm 1944 đầu năm 1945, miền Bắc xảy ra nạn đói khủng khiếp, làm chết hơn 2 triệu đồng bào ta. Ở Thủy Nguyên, nhiều làng xóm dân chúng chết quá nửa, có gia đình chết không còn một ai. Điển hình là các vùng Tân Dương, Lỗi Dương, chỉ trong 20 ngày, chết đói trên 400 người, 79 hộ chết cả nhà. Các làng Phương Lãng, Bính Động, Giáp Động (Hoa Động) chết đói trên 200 người. Tổng Dưỡng Động (Minh Tân, Gia Đức, Minh Đức) cũng có gần một nghìn người chết đói, riêng xóm Lò (Minh Tân) có nhiều người chết đói nhất...

Thực hiện chủ trương “Phá kho thóc giải quyết nạn đói”, “Không nộp một hạt thóc, một đồng xu cho giặc Nhật”, các nhóm Việt Minh trong huyện đã vận động mọi người đùm bọc lẫn nhau và có những biện pháp thiết thực để cứu đói. Tổ chức Việt Minh vùng Phục Lễ, Chung Mỹ, Kinh Triều... hô hào và lãnh đạo dân chúng đến phá kho thóc của chủ đồn điền Nguyễn Thừa Đạt ở Lập Lễ, Phả Lễ, lấy hàng trăm tấn thóc chia cho dân. Phong trào cứu đói lan rộng trong toàn huyện. Cán bộ Việt Minh vận động những gia đình khá giả cho người nghèo vay lương thực và nấu cơm, nấu cháo phát chẩn.

Các nhóm Việt Minh này đã có sự thống nhất và phối hợp hoạt động. Nhiều làng lập các tổ tự vệ bí mật, vận động nhân dân chống nộp thóc, nộp thuế cho Nhật. Tự vệ và tổ chức Việt Minh các làng xã đẩy mạnh hoạt động vừa tuyên truyền tập hợp quần chúng vừa tiến hành cảnh cáo bọn chống đối cách mạng, trừ khử Việt gian, ngăn chặn thu thuế và cướp thóc của giặc Nhật.

Tháng 7-1945, Đội tuyên truyền xung phong của tỉnh Kiến An về diễn thuyết ở vùng Hạ Côi, Phi Liệt, Pháp Cỗ, Hà Phú, chợ Tổng... Nhân có lính từ huyện Yên Hưng về giúp sức thu thuế ở Dưỡng Động, Đội đã vượt sông Giá sang tước vũ khí của chúng và bắt tên chánh tổng Cận đem xử tại gốc đa cạnh bến đò Hà Phú.

Ngày 25-7-1945, tại chùa Doãn Lại, do chỉ đạo của chiến khu, Ủy ban dân tộc giải phóng liên huyện Thủy Nguyên - Kinh Môn được thành lập. Ông Hoàng Ngọc Lương (sư Lương - cán bộ Việt Minh Thủy Nguyên) giữ chức Chủ tịch và ông Nguyễn Kiên Tranh (sư Tuệ) giữ chức Phó Chủ tịch. Ủy ban Cách mạng đóng tại làng Phi Liệt và lấy đình Pháp Cỗ làm trụ sở tiếp dân. Ủy ban thông báo gọi chánh tổng, lý trưởng trong vùng đến nộp con dấu, sổ sách và được giao trách nhiệm không được thu thuế, thu thóc của dân nộp cho giặc Nhật. Nơi nào đã thu rồi phải đem nộp lại cho cách mạng...

Đầu tháng 8-1945, Ủy ban Cách mạng lâm thời tổng Phục Lễ được thành lập. Thời kỳ này, các đảng phái thân Nhật ráo riết hoạt động chống phá phong trào cách mạng, tự vệ các địa phương. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương.

Đêm 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh Tổng khởi nghĩa. Thời gian này, Bắc Bộ đang xảy ra bão và mưa lụt kéo dài. Chỉ thị khởi nghĩa truyền xuống các địa phương bị chậm, nhưng thời cơ đến, tổ chức Việt Minh ở cơ sở đã kịp thời phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Ngày 15-8-1945, được sự bố trí của cán bộ Việt Minh huyện Thủy Nguyên, Tư lệnh chiến khu Đông Triều Nguyễn Bình đi ca-nô từ Quảng Yên đến bến Kiềm gặp Thị trưởng Hải Phòng Vũ Trọng Khánh bàn việc đưa lực lượng chiến khu vào thành phố hỗ trợ khởi nghĩa giành chính quyền.

Sáng ngày 16-8-1945, Ủy ban Cách mạng vùng thượng huyện huy động đông đảo quần chúng và tự vệ các làng xã, suốt từ Pháp Cỗ đến Hoàng Pha, Lâm Động, có du kích chiến khu Đông Triều tham gia, kéo về Trịnh Xá chiếm huyện đường. Quần chúng mít tinh trước huyện đường. Tri huyện Nguyễn Quang Tạo tuyên bố từ chức và giao nộp con dấu, tài liệu, vũ khí. Đại diện Việt Minh biểu dương những đóng góp của ông với cách mạng. Các làng xã tiến hành thu con dấu, đốt sổ sách, khế ước nợ nần.



Huyện Đường - nơi nhân dân Thủy Nguyên giành chính quyền Tháng Tám năm 1945



Sáng 22-8-1945, hàng vạn người đổ về sân vận động Dục Liễn (khu vực trước trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thủy Sơn hiện nay) mít tinh chào mừng thắng lợi và chứng kiến sự ra mắt của chính quyền cách mạng. Ủy ban cách mạng lâm thời huyện gồm các ông:

- Hoàng Ngọc Lương, Chủ tịch.
- Bùi Bá Ngôn, Phó Chủ tịch.
- Trương Đức Dực, ủy viên phụ trách Việt Minh.
- Phạm Văn Ngự, ủy viên phụ trách kinh tế.
- Phạm Văn Duyệt, ủy viên phụ trách tư pháp.
- Đoàn Yểng, ủy viên phụ trách quân sự.
- Nguyễn Quang Tạo, ủy viên phụ trách hành chính.

#### IV. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1955)

##### 1. Bảo vệ chính quyền và chế độ mới (8/1945 - 1/1947)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Trong bối cảnh tình hình trong, ngoài nước phức tạp và hậu quả của chế độ thực dân, chính quyền cách mạng non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, đứng trước những thử thách của lịch sử.

Vận mệnh đất nước được ví như “ngàn cân treo sợi tóc”. Nền kinh tế kiệt quệ. Sản xuất bị đình đốn. Nạn đói đầu năm có nguy cơ tái diễn. Kho tàng trống rỗng. Tài chính hầu như không có gì. Ngân hàng, kho bạc vẫn nằm trong tay các nhà tài phiệt nước ngoài. Hơn 95% dân chúng thất học, mù chữ. Tệ nạn xã hội tràn lan. Tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn khi 20 vạn quân Tưởng đổ bộ vào miền Bắc, kéo theo nhiều tổ chức phản động của người Việt lưu vong; quân Anh vào miền Nam tiếp tay cho quân Pháp nổ súng

xâm lược Nam Bộ. Nhân dân ta cùng một lúc phải đương đầu với “*Thù trong giặc ngoài*”. Những khó khăn, thử thách đó đã được Hồ Chủ tịch đúc kết thành ba thứ giặc: *Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm*.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân dân Thủy Nguyễn nêu cao quyết tâm vượt khó khăn, trở ngại, khẩn trương tập trung thực hiện những nhiệm vụ cấp bách nhằm đẩy mạnh tăng gia sản xuất, cứu đói, xóa nạn mù chữ, đấu tranh bảo vệ chính quyền và xây dựng chế độ mới. Từ huyện đến các xã, Tiểu ban cứu tế xã hội mở cuộc vận động nhân dân cứu giúp lẫn nhau, lập quỹ đoàn thể để cứu giúp gia đình nghèo đói... Thực hiện thông báo của Chính phủ lâm thời, ngày 20-11-1945, gửi cho các điền chủ, tá điền và nông dân, các xã tiến hành giảm tô 25% cho tá điền, vận động địa chủ, phú nông hoãn nợ, chia lại ruộng công... Chính quyền huyện, xã tịch thu ruộng đất của địa chủ ở Lập Lễ, Câu Tử... đã bỏ chạy và ruộng đất công chia cho nông dân. Nạn đói cơ bản bị đẩy lùi.

Cuộc vận động xóa nạn mù chữ, với khẩu hiệu “*Đi học bình dân học vụ là yêu nước*”, “*Chống nạn thất học cũng như chống nạn ngoại xâm*”... đã cổ vũ hết thảy các tầng lớp nhân dân tham gia. Người lớn tuổi đến lớp bình dân học vụ mở vào buổi tối, buổi trưa. Trẻ em đến tuổi đi học đến trường phổ thông.

Để khắc phục khó khăn về tài chính, ngày 4-9-1945, Chính phủ ra sắc lệnh tổ chức *Quỹ Độc lập*, tiếp theo tổ chức *Tuần lễ vàng* (từ 17 đến 24-9-1945) để động viên mọi người đóng góp tiền của ủng hộ chế độ mới. Nhân dân Thủy Nguyễn tích cực tham gia các cuộc vận động này. *Quỹ Độc lập*, *Tuần lễ vàng* được tổ chức trang trọng. Dù còn khó khăn nhưng nhân dân Thủy Nguyễn đã tự nguyện đóng góp hoa tai, nhẫn, xà tích, những đồ gia bảo. Trong “*Tuần lễ vàng*”, nhân dân Thủy Nguyễn đã góp được 4 ki lô gam vàng và 4 vạn 6 nghìn đồng Đông Dương.

Để tăng cường củng cố chính quyền các cấp, ngày 6-1-1946 và ngày 24-4-1946, nhân dân Thủy Nguyễn, cùng cả nước, nô nức đi bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân xã, tỉnh Kiến An. Hội đồng nhân dân các xã bầu ra Ủy ban hành chính xã và huyện thay cho Ủy ban Cách mạng lâm thời.

Đầu tháng 9-1945, quân Tưởng đổ bộ vào Hải Phòng - Kiến An. Chúng cho quân đóng tại trụ sở chính quyền huyện ở Trịnh Xá. Chúng đã gây ra những vụ cướp bóc, bắt cóc cán bộ để tống tiền, hãm hiếp phụ nữ ở các làng ven đường 10, đường 200... Thực hiện chủ trương của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân ta nén căm thù, tránh đụng độ, mềm dẻo đấu tranh có lý lẽ nhằm ngăn ngừa bớt những hành động ngang ngược của quân Tưởng.

Sau ngày khởi nghĩa, quân Pháp đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ. Nhiều thanh niên Thủy Nguyễn xung phong vào đội quân Nam Tiến, tình nguyện lên đường vào Nam cùng đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Huyện và các xã khẩn trương thành lập lực lượng dân quân, tự vệ. Huyện mở nhiều lớp huấn luyện quân sự, chính trị ở Núi Đèo, Phù Lưu... để bồi dưỡng cho ủy viên quân sự các xã. Phong trào luyện tập quân sự diễn ra khá sôi nổi. Công tác huấn luyện thời kỳ này phần lớn dựa vào anh em cựu binh nên có nơi học theo kiểu Nhật, nơi học theo kiểu Pháp nhưng tinh thần mọi người phấn chấn, vì “*Tổ quốc trên hết*”. Nhiều xã, dân quân, tự vệ đông tới trên trăm người, gồm thanh niên từ 18 đến 45 tuổi. Mỗi xóm có một tiểu đội, mỗi thôn có một trung đội, xã có một đại đội. Xã Thiên Hương, Tam Hà còn thành lập trung đội nữ tự vệ. Trung đội tự vệ chiến đấu gồm nhiều nhà sư và trung lão niên được thành lập, do nhà sư Lương Ngọc Trụ, ở chùa Phương Mỹ (Mỹ Đồng), làm trung đội trưởng. Liên xã Minh Tân - Lưu Kiếm lập đại đội thoát ly chuyên bảo vệ đường máng nước. Tự vệ được trang bị súng đạn, thường xuyên tuần tra, canh gác

bảo vệ an ninh xóm làng, bảo vệ trụ sở xã. Lực lượng vũ trang tập trung của huyện được xây dựng. Cơ quan huyện cũng tổ chức một tiểu đội, sau nâng lên trung đội tự vệ, làm nhiệm vụ bảo vệ. Trung đội này sau phát triển quân số lên tới một tiểu đoàn rồi bổ sung cho bộ đội tỉnh và chủ lực.

Phong trào ủng hộ lực lượng vũ trang diễn ra sôi nổi. Mọi người truyền nhau câu ca: “*Quyên vàng mua súng cối xay, bắn tan giặc Pháp có ngày vinh quang*”. Nhân dân trong huyện đã góp được hàng chục tấn gạo, quần áo và nhiều vũ khí. Nhân dân Kiên Bái và các xã ven sông Bính vớt được hàng tấn vũ khí từ các tàu của Nhật, Pháp bị đắm trước đây. Các gia đình còn động viên con em vào dân quân, tự vệ và tòng quân. Hàng trăm thanh niên, có anh em mới 16, 17 tuổi, hăng hái nhập ngũ. Tháng 7-1946, Đảng bộ huyện Thủy Nguyễn được thành lập. Lực lượng vũ trang huyện được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy đảng.

Tháng 7-1946, Huyện ủy Thủy Nguyễn quyết định thành lập tiểu đoàn bộ đội địa phương lấy tên là Quang Trung. Huyện ủy chỉ định ông Bùi Tống Thủy làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Quỳnh làm chính trị viên. Dân quân, tự vệ, thanh niên ở các xã hăng hái ghi tên xin gia nhập đơn vị ngày một đông. Chỉ trong vòng hai tháng, quân số lên tới ba đại đội. Mới được thành lập, tiểu đoàn Quang Trung còn thiếu nhiều trang bị. Vũ khí phần nhiều là dao găm, mã tấu, lựu đạn. Việc ăn, ở, sinh hoạt phân tán theo qui mô tiểu đội, trung đội, hoàn toàn dựa vào dân, vào nhà chùa và những gia đình khá giả. Các đơn vị bộ đội địa phương, cảnh sát xung phong, dân quân, tự vệ là lực lượng nòng cốt cho phong trào vũ trang và quân sự hóa toàn dân của huyện.

Thời kỳ này, tại huyện đường, trung đội cảnh vệ - tổ chức đầu tiên của Công an huyện



Thủy Nguyên - được thành lập, do cán bộ chiến khu Trần Hưng Đạo được điều về làm trung đội trưởng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời. Nhiệm vụ của trung đội là tổ chức canh gác, bảo vệ trụ sở chính quyền huyện, các đồng chí lãnh đạo, tuần tra, kiểm soát giữ gìn trật tự ở những địa bàn trọng điểm, nơi tập trung sinh hoạt công cộng, sẵn sàng triển khai lực lượng trấn áp bọn phản động, lưu manh. Tại các xã, chính quyền phân công ủy viên phụ trách công tác giữ gìn trật tự trị an, huy động thanh niên nhiệt tình cách mạng tham gia các đội trật tự. Lực lượng cảnh vệ cùng tự vệ, các đội trật tự đã phối hợp ngăn chặn những hành động gây rối, phá hoại của quân Tưởng, của bọn phản động, bảo vệ các cuộc sinh hoạt lớn, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp...

Ngày 21-2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh sáp nhập hai lực lượng Liêm phóng và Cảnh sát thành Việt Nam Công an vụ. Ty Công an các tỉnh, thành phố được thành lập. Tổ chức Công an huyện chưa được hình thành mà chỉ tập trung củng cố, tăng cường lực lượng của trung đội Cảnh vệ.

Nhằm tránh cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù, thực hiện chủ trương "Hoà để tiến", ngày 6-3-1946, Hồ Chủ tịch ký với đại diện quân đội Pháp Hiệp định Sơ bộ. Theo Hiệp định, quân Tưởng rút về nước, quân Pháp được phép ra miền Bắc, đóng thay vào các vị trí do quân Tưởng để lại. Sáng sớm ngày 6-3, hàng nghìn quân Pháp đổ bộ vào Cảng Hải Phòng. Không khí chuẩn bị kháng chiến của nhân dân Hải Phòng - Kiến An ngày càng khẩn trương. Tháng 7-1946, huyện Thủy Nguyên thành lập tiểu đoàn bộ đội địa phương Quang Trung. Với tinh thần yêu nước, dân quân, tự vệ, thanh niên ở các xã hăng hái ghi tên gia nhập bộ đội. Chỉ trong vòng hai tháng, quân số lên tới ba đại đội.

Đoàn cảnh sát xung phong, sau này là Đội công an hành động, ra đời sau ngày khởi nghĩa, được tăng cường. Các đơn vị bộ đội địa phương, cảnh sát xung phong, dân quân, tự vệ trở thành lực lượng nòng cốt trong bảo vệ chính quyền, sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 20-10-1946, sau khi thăm nước Cộng hòa Pháp, Bác về đến cảng Hải Phòng. Đông đảo nhân dân Thủy Nguyên cùng nhân dân thành phố mít tinh đón Bác. Đúng một tháng sau đó, ngày 20-11-1946, quân Pháp đánh chiếm thành phố Hải Phòng. Một tuần chiến đấu, lực lượng vũ trang ta tạm rút ra vùng nông thôn, lập phòng tuyến bao vây địch trong nội thành. Ngày 26-11-1946, Liên tỉnh Hải - Kiến được thành lập.

Tổ đặc vụ thuộc Nha Công an Việt Nam hoạt động tại Hải Phòng rút sang Thủy Nguyên. Trong tổ có một số chiến sĩ quê Thủy Nguyên đã ở lại cùng nhân dân tích cực chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến. Khẩn trương đối phó với âm mưu mở rộng chiến tranh của giặc Pháp, Huyện ủy chỉ đạo lực lượng cảnh vệ, tự vệ tập trung điều tra, phân loại những phần tử tay sai của Pháp, bọn lưu manh côn đồ để giáo dục, quản lý. Ủy ban hành chính huyện đã quyết định đưa 24 người đi an trí.

Từ ngày Pháp đánh chiếm Hải Phòng, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, lực lượng vũ trang đã tích cực cùng toàn dân khẩn trương chuẩn bị kháng chiến. Lực lượng vũ trang của huyện, tỉnh được bố trí lại, thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến", tích cực đào hầm, hào, đắp ụ, ngăn sông, lập chướng ngại vật để ngăn cản bước tiến của địch... Nhiều đình chùa, nhà xây to bị tháo dỡ hoặc phá hủy. Ủy ban kháng chiến từ huyện xuống xã được thành lập (sau đó hợp nhất với Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính) huy động các ngành, các giới đóng góp công sức đào hàng chục kilômét giao thông hào ở núi Đèo, bến Kiền, bến Bính, chợ Sĩ;

dùng tre, cau, rọ đất, đá rào ngăn sông Giá, sông Cấm... Ban hậu cứ của huyện làm nhiệm vụ tìm những nơi ở đảm bảo an toàn cho cơ quan lãnh đạo của huyện và nhân dân tản cư đến. Các xã khẩn trương tổ chức đón tiếp chu đáo đồng bào nội thành Hải Phòng tản cư về. Huyện ủy, Ủy ban, các cơ quan huyện rút lên đóng tại khu núi đá Phù - Kỳ phía Bắc huyện và chuẩn bị căn cứ lâu dài ở vùng Nhị Chiểu (Kinh Môn). Các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện: Tiểu đoàn Quang Trung, dân quân tự vệ các xã cùng đại đội 40, 43 thuộc tiểu đoàn 224, mới được Bộ Tư lệnh Chiến khu 3 điều về thay tiểu đoàn 182, triển khai đóng giữ những vị trí quan trọng. Đại đội 43 đóng ở khu vực Thái Lai (Cao Nhân) làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện. Đại đội 40 đảm nhiệm toàn bộ trận địa phòng ngự trước đây của tiểu đoàn 182 ở khu vực Bến Bính, Núi Đèo, cầu Xưa (An Lữ) và bến Rừng. Đơn vị đóng quân ở khu vực Bính Động, Tả Quan dùng khẩu pháo đã mất kim hỏa (chỉ còn nòng, không bệ) để bắn, gây tiếng nổ đầu nòng nhằm phô trương thanh thế. Các tổ dân quân, tự vệ canh gác ven sông Cấm thường bắn uy hiếp canô địch, đêm đêm thả hàng trăm quả bưởi xuôi dòng làm nghi binh. Trong khi đó, quân Pháp thường xuyên cho máy bay, canô vũ trang chạy đi chạy lại trên sông Cấm, sông Bạch Đằng, đổ một số quân lên bến Cao Kênh để uy hiếp dân chúng và ráo riết chuẩn bị đánh chiếm Thủy Nguyên.

## 2. Kháng chiến trường kỳ (1947-1954)

Sau khi đánh chiếm Hải Phòng, thông đường 5 với Hà Nội, thực dân Pháp chọn

Thủy Nguyên là địa bàn mở đầu cho việc lấn rộng ra vùng nông thôn bao quanh thành phố Cảng. Việc khai thông đường 10 ra vùng mỏ, đường 200 sang đường 18 - Đông Triều có ý nghĩa rất lớn đối với thực dân Pháp nhằm tạo địa bàn bảo vệ phía Bắc thành phố, giữ an toàn cho hoạt động của Cảng Hải Phòng, tổng kho Xăng dầu Thượng Lý... Ngày 7-2-1947 (18-1 năm Đinh Hợi), chúng mở cuộc tấn công đánh chiếm huyện Thủy Nguyên.



Khu vực hang Đốc Tít (xã An Sơn) căn cứ kháng chiến chống Pháp

Bốn giờ sáng, quân Pháp chia làm bốn mũi tiến đánh Thủy Nguyên. Lực lượng gồm 600 tên, có máy bay, tàu chiến và pháo binh phối hợp. Chúng dùng máy bay dẫn đường cho các mũi hành quân và pháo binh, cho tàu chiến bắn súng lớn vào các làng xã ven sông: Hoàng Động, Tam Hưng; ném bom vào khu Mỹ Cự và làng Pháp Cổ, nơi ta dự trữ lương thực. Trước và trong khi tiến công, chúng bắn đại bác từ Hải Phòng sang yểm trợ cho các mũi tiến quân và vào những nơi diễn ra trận đánh quyết liệt.

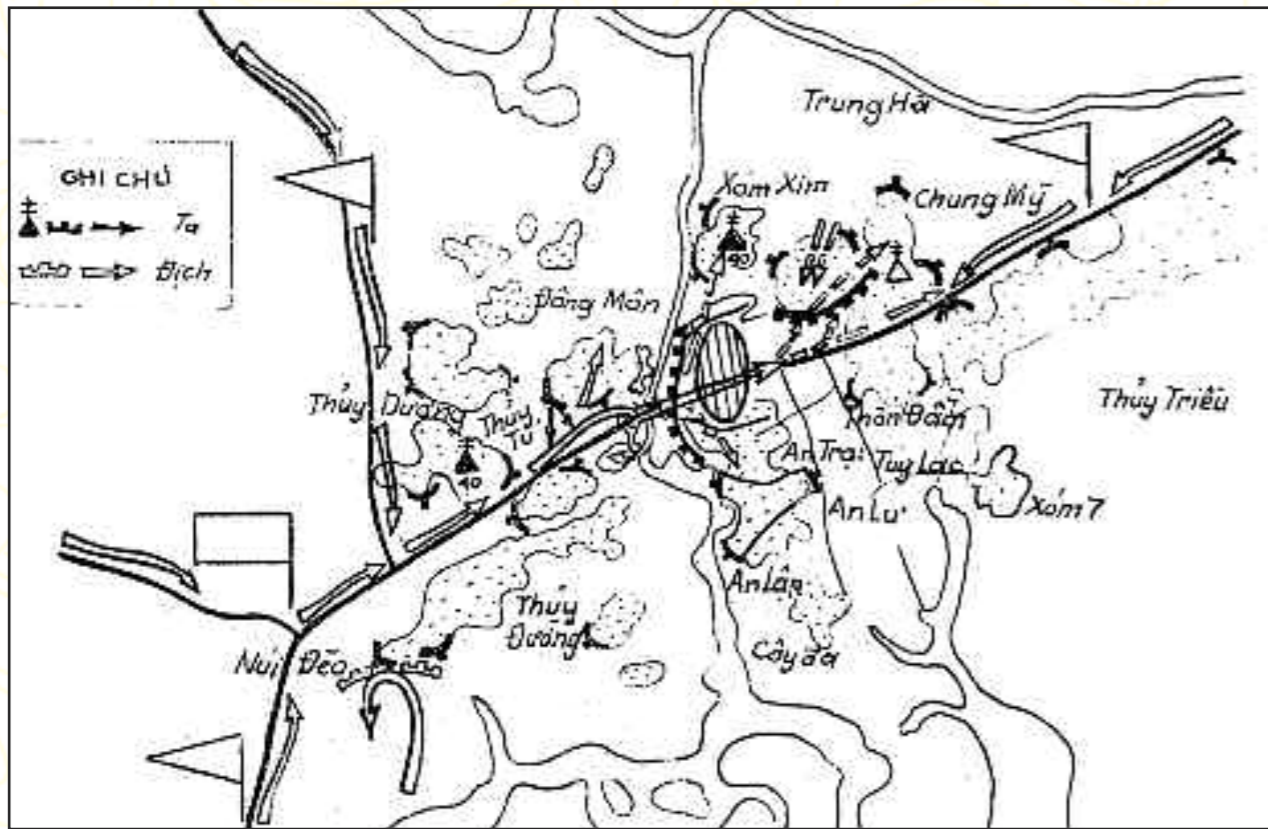
Lực lượng ta bố trí có phần dàn mỏng: Tiểu đoàn 224 Vệ quốc đoàn đóng rải rác ở các thôn của làng An Lữ, Thanh Lãng, Phù Lưu và cầu Giá. Tiểu đoàn Quang Trung và dân



quân tự vệ các xã bố trí dọc các tuyến giao thông. Ngay từ đầu, các mũi tiến quân của địch đều vấp phải sức chiến đấu quyết liệt của lực lượng vũ trang và nhân dân ta. Dân quân, tự vệ dựa vào làng chiến đấu, phối hợp tác chiến chặt chẽ với bộ đội. Trận đánh quyết liệt nhất diễn ra ở khu vực cầu Xưa. Tại đây, ta tổ chức đào hào, đắp ụ, bố trí lực lượng, chọn làm điểm quyết chiến. Bộ đội và nhân dân củng cố công sự, lập ụ chiến đấu. Nhiều gia đình ở An Lư đã dỡ nhà, đem cột nhà, giường tủ, bàn ghế, chạt tre, gỗ để xây dựng trận địa.

Bảy giờ sáng, địch từ bến Rừng và Núi Đèo tiến về cầu Xưa. Các cánh quân này đều bị bộ đội và dân quân tự vệ ta chặn đánh. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ở đầu làng Đông Môn (Thủy Đường), ở xóm Sim (Thủy Tú), ở chợ Chùa (Chung Mỹ). Ở xóm Sim, hơn chục dân quân, tự vệ, dùng vũ khí thô sơ, chặn đánh địch, diệt khoảng 20 tên và đã lần lượt hy sinh đến người cuối cùng.

Từ 7 giờ đến 12 giờ, địch liên tục tổ chức 11 đợt xung phong đánh chiếm cầu Xưa. Trước mỗi đợt tiến công, chúng đều được hỏa lực pháo binh, từ máy bay bắn phá chi viện. Trận địa ta bị bom đạn cây cối. Nhiều bộ đội, dân quân tự vệ và nhân dân hy sinh. Buổi chiều, chúng mở đợt tấn công lần thứ 12, chiếm được trận địa tiền duyên. Bộ đội, tự vệ hình thành ngay trận địa phòng ngự mới tại đoạn từ đường 10 rẽ vào xóm Bắc. Nhân dân An Lư bất chấp nguy hiểm, sát cánh cùng chiến đấu, tiếp tế cơm nước và đưa thương binh, liệt sĩ về chùa. Tại đây, đã diễn ra trận đánh giáp lá cà. Địch tổn thất nhiều và ta cũng hy sinh thêm một số cán bộ, chiến sĩ. Đến 17 giờ, lực lượng ta được lệnh rút về phía Bắc huyện. Trận chiến đấu ở cầu Xưa kết thúc. Địch tràn vào chùa An Lư xả súng sát hại các thương binh của ta. Trong trận chiến đấu này, ta đã tiêu diệt gần 100 tên giặc và hơn 60 bộ đội, tự vệ và nhân dân hy sinh.



Sơ đồ diễn biến trận cầu Xưa



Cầu Xưa - nơi diễn ra trận đánh Pháp nổi tiếng của quân và dân xã An Lư, ngày 08/2/1947

Tại các hướng khác, quân Pháp cũng đều vấp phải cuộc chiến đấu với quyết tâm rất cao của bộ đội và dân quân tự vệ. Phải tới 5 giờ chiều ngày 8-2, các cánh quân mới hợp được với nhau. Địch đóng quân tại các vị trí Núi Đèo, Trinh Xá, bến Kiên, chùa Kiên Bái, cầu Giá, bến Rừng, chợ Chùa (Trung Mỹ). Theo chủ trương chung, ngay tối hôm đó, bộ đội tỉnh, huyện và một số đơn vị tự vệ xã rút về khu núi đá Kỳ Sơn, Phù Ninh và vùng Kinh Môn để bảo toàn lực lượng, kiện toàn tổ chức chuẩn bị chiến đấu.

Những ngày đầu chiến đấu chống địch đánh chiếm của quân và dân Thủy Nguyễn có ý nghĩa rất lớn. Tuy lực lượng quá chênh lệch nhưng bộ đội và nhân dân ta tỏ rõ tinh thần dũng cảm, không sợ hy sinh, bước đầu ngăn chặn được bước tiến của địch. Những trận đánh ác liệt, tiêu biểu là trận chiến ở cầu Xưa, có tiếng vang lớn, cổ vũ khí thế quần chúng tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến trường kỳ.

Ngày hôm sau, địch tiếp tục mở các cuộc càn quét vào các làng xã xung quanh các vị trí. Đi đến đâu chúng cũng bắn giết, trả thù,

khủng bố nhân dân ta rất dã man. Chúng bắn chết 60 người ở làng Trại Kênh; 50 người ở Trinh Xá, Kiên Bái; 42 người ở Cao Kênh... Nhiều người còn bị chúng mổ bụng, moi gan, chạt đầu. Phụ nữ bị hãm hiếp. Nhiều nhà cửa bị đốt cháy. Ở khu vực cầu Giá, cầu Hang Lương, chúng đã thủ tiêu nhiều cán bộ và đồng bào ta bị chúng bắt trong các cuộc càn quét tập trung về... Đi đôi với khủng bố trắng, chúng còn bắt dân sửa chữa đường 10, nẹp tre, cau để củng cố các vị trí đóng quân.



Nơi ghi nhớ trận đánh cầu Xưa





Liệt sĩ Đàm Văn Cẩm

Tại khu căn cứ, Huyện ủy tổ chức hội nghị cán bộ toàn huyện, kiểm điểm cuộc chiến đấu vừa qua, đề ra chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Trong tình hình địch chiếm đóng, lực lượng vũ trang cần được tổ chức gọn, cơ động, Huyện ủy quyết định giải thể tiểu đoàn Quang Trung, lựa chọn gần 100 chiến sĩ để thành lập một đại đội, mang tên người anh hùng dân tộc Lê Lợi. Số chiến sĩ còn lại bổ sung cho trung đoàn 98 chủ lực. Một số yếu sức khỏe trở về địa phương làm nòng cốt cho dân quân tự vệ các xã. Ngày 22-2-1947, tại làng Pháp Cổ, đại đội Lê Lợi chính thức được thành lập. Ông Chu Bằng Thanh được bổ nhiệm giữ chức Đại đội trưởng. Ban Chỉ huy đại đội đồng thời làm chức năng của Cơ quan Quân sự huyện. Huyện ủy quyết định thành lập chi bộ Đảng trong đại đội, gồm 3 đảng viên, do đồng chí Đại đội trưởng làm Bí thư. Đây là đại đội bộ đội địa phương đầu tiên của huyện, là một trong những đơn vị bộ đội địa

phương được tổ chức sớm nhất của Liên tỉnh Hải - Kiến và vùng duyên hải Đông - Bắc. Đúng 5 ngày sau khi thành lập, đại đội đã sử dụng một trung đội tập kích vị trí địch đóng tại đình Kiên Bái, một trung đội tập kích địch đóng ở Trịnh Xá. Tiếp đó, ngày 7-3, đơn vị lại tập kích vị trí địch ở cầu Giá... Những trận đánh trên đã gây được tiếng vang lớn, tạo niềm tin cho nhân dân. Sau đó, đại đội được lệnh rút ra khỏi địa bàn huyện, tham gia cùng bộ đội chủ lực đánh địch trên đường 18. Tháng 6-1947, đại đội lại trở về chiến đấu trên vùng đất quê hương.

Để đối phó với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch, Huyện ủy chủ trương đưa cán bộ, đảng viên về vùng địch tạm chiếm “Bám đất, bám dân” để khôi phục cơ sở; củng cố lực lượng vũ trang, tiến hành diệt tề, trừ gian, đẩy mạnh đánh du kích. Đến tháng 7-1947, hầu hết các xã hoặc liên xã trong huyện đã có chi bộ Đảng. Hoạt động vũ trang được đẩy mạnh nhằm giữ vững khu căn cứ núi đá phía Bắc và diệt tề, trừ gian, đánh địch hỗ trợ cho công tác phục hồi cơ sở kháng chiến. Quân Pháp vừa tăng cường bình định, củng cố bộ máy tề nguỵ, khủng bố nhân dân ở vùng chúng chiếm đóng vừa tập trung đánh phá khu căn cứ của ta. Ngày 5-5-1947, chúng cho một tiểu đoàn từ Núi Đèo lên càn quét khu vực Phù Ninh. Một tiểu đội bộ đội huyện (Lê Lợi) phối hợp với một tiểu đội công an huyện cùng dân quân, tự vệ Phù Ninh chặn đánh địch ở đầu làng Việt Khê. Trận chiến diễn ra ác liệt, một số cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Chiến sĩ Đàm Văn Cẩm, quê ở Lâm Động, trèo lên cây đa đầu làng để ném lựu đạn được xa hơn, diệt một số tên địch, đã anh dũng hy sinh.

Tháng 3-1947, theo Quyết định của Chính phủ, huyện Thủy Nguyên sáp nhập vào tỉnh Quảng Yên. Để đối phó với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Thủy Nguyên chủ trương:

- Giáo dục tư tưởng trường kỳ kháng chiến cho đảng viên và nhân dân.

- Củng cố lực lượng vũ trang, diệt tề, trừ gian, đẩy mạnh đánh du kích.

- Đưa cán bộ về các xã phía Bắc huyện để xây dựng căn cứ, vào khu vực Đông Nam Núi Đèo và ven nội thành Hải Phòng để phục hồi cơ sở.

Thực hiện chủ trương về “Bám đất, bám dân”, các cấp ủy, các ngành, đoàn thể, các xã đều bố trí cán bộ bằng đường bí mật hoặc hợp pháp theo dân hồi cư trở về vùng địch chiếm đóng để xây dựng cơ sở kháng chiến. Do vậy, ở khu vực phía Bắc huyện, cơ sở kháng chiến được phục hồi nhanh. Các xã khu Đông Nam Núi Đèo, ven sông Cấm, hoạt động của cán bộ gặp nhiều khó khăn. Bộ máy tề nguỵ ở đây đã tiếp tay cho giặc khủng bố nhân dân, vây ráp, lùng sục cán bộ rất dữ nên phong trào phục hồi chậm.

Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động vũ trang giữ vững khu căn cứ núi đá phía Bắc và diệt tề, trừ gian, đánh địch hỗ trợ cho công tác phục hồi cơ sở kháng chiến. Trong 6 tháng cuối năm 1947, bộ đội huyện phối hợp với công an và dân quân các xã tổ chức nhiều trận đánh, gây cho địch nhiều tổn thất. Những thắng lợi này đã cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân trong huyện và cũng làm cho địch phải hạn chế càn quét, khủng bố.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên tiếp tục trở về các làng xã bám dân, tuyên truyền đường lối kháng chiến, vạch trần âm mưu nham hiểm của địch. Cơ quan Huyện ủy, Ủy ban và các phòng ban, đoàn thể của huyện bám trụ ở khu vực Phù Ninh, Trại Sơn, một số bộ phận về Cầu Tử Nội, Phục Lễ, Thiên Đông, Trúc Sơn. Lực lượng vũ trang, công an huyện về bám vành đai Núi Đèo và chia từng tổ xuống các xã. Nhân dân các làng xã tích cực đào hầm bí mật

nuôi giấu cán bộ, bộ đội. Chính quyền, chi bộ Đảng ở hầu hết các xã trong huyện đều được phục hồi. Số đảng viên của huyện lên tới 300 đồng chí. Đại đội 34 (thuộc trung đoàn 98) về Thủy Nguyên, cũng phân tán từng tiểu đội phối hợp và hỗ trợ cho cán bộ các ngành, đoàn thể “Bám dân, bám đất”. Nơi nào cơ sở được phục hồi thì nơi đó thực hiện đóng góp cho kháng chiến. Cuộc vận động “Mùa đông binh sĩ”, may sấm quần áo, thuốc chữa bệnh, mua tặng phẩm gửi các chiến sĩ ngoài mặt trận diễn ra sôi nổi. Chị em phụ nữ xã Lâm Động may bộ quần áo lụa, sản phẩm địa phương, gửi tặng Hồ Chủ tịch, được Bác gửi thư khen. Nhân dân các vùng từ Doãn Lại, Trại Sơn, Phù Ninh, Minh Tân, Lưu Kiếm đến Hoàng Pha, Thiên Đông, Kiên Bái, Cao Nhân... đều góp tiền gạo nuôi bộ đội, du kích, công an. Tháng 5-1947, quận Công an Thủy Nguyên được thành lập,



Hang Vua (xã Minh Tân) nơi làm việc của Thành ủy Hải Phòng trong kháng chiến chống Pháp



theo Nghị định số 36/BNV của Bộ Nội vụ. Đội hành động trừ gian được bổ sung và từ tháng 4-1948, các xã đều thành lập Ban Trật tự.

Đầu tháng 7-1947, địch đóng chốt ở Thanh Lãng nhằm áp sát khu căn cứ núi đá Phù Ninh, Kỳ Sơn và thường xuyên dùng đại bác bắn phá các xã trên. Trong những tháng cuối năm 1947, bộ đội huyện phối hợp với công an và dân quân Phù Ninh, Trại Sơn, Ngọc Dịch... đánh 10 trận, diệt 37 tên, làm bị thương 11 tên, thu 20 súng. Tiêu biểu là trận chống càn ở thôn Bàng Trình (Pháp Cổ) ngày 10-7, phục kích ở Doãn Lại (Lại Xuân), Quán Cừ (Phù Lưu) ngày 15-7 và 2-9... Tháng 12-1947, địch tập trung quân đánh lớn vào Phù Ninh, Pháp Cổ, đóng chốt ở Phi Liệt (Lại Xuân), chiếm các điểm cao khống chế phà Đụn và khu vực núi đá. Lực lượng vũ trang huyện chặn đánh địch ở núi Mọc (Pháp Cổ). Trận đánh diễn ra ác liệt, sau đó các cơ quan của huyện chuyển từ khu Pháp Cổ sang căn cứ Doãn Lại, Trại Sơn, một bộ phận sang Nhị Chiểu (huyện Kinh Môn) và Minh Tân, Lưu Kiếm (Yên Hưng).

Ngày 26-2-1948, quân Pháp đã huy động một trung đoàn, có tàu chiến, máy bay phối hợp, bao vây, càn quét căn cứ của huyện tại khu núi đá Áng Sơn (Kinh Môn). Bộ đội và du kích Thủy Nguyên đã sát cánh cùng bộ đội và du kích huyện Kinh Môn chiến đấu với địch suốt 15 ngày đêm ròng rã. Trong tình thế bị bao vây trong hang đá, thiếu lương thực, súng đạn, thuốc chữa bệnh, nhưng các chiến sỹ vẫn kiên cường chiến đấu. Bộ đội và du kích tham gia trận đánh này đã được Liên khu I tặng bằng khen và danh hiệu “*Dũng sĩ Áng Sơn*”<sup>(1)</sup>. Sau trận này, theo chỉ thị của Tỉnh ủy Quảng Yên, đại đội Lê Lợi, công an xung phong phân tán về các làng xã vừa tham gia xây dựng cơ sở kháng chiến vừa cùng du

(1) Từ tháng 1-1948, tỉnh Quảng Yên, khu Hồng Quảng thuộc về Liên khu I (sau này thêm một số tỉnh, lập thành Quân khu Việt Bắc).

kích chiến đấu chống địch càn quét. Sau những thất bại nặng nề, thực dân Pháp quay trở lại bình định, củng cố vùng chiếm đóng quanh thành phố. Tại Thủy Nguyên, đầu năm 1948, chúng đóng thêm 10 vị trí, tăng số quân lên 800 tên. Chúng thường xuyên mở các cuộc càn quét quy mô vừa vào các làng xã, bắn giết, đốt phá rất dã man.

Để đối phó với âm mưu thâm độc của địch, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chủ trương: *Tích cực lợi dụng hình thức công khai, kết hợp với hoạt động bí mật, bám sát quần chúng, bám sát địa bàn để phục hồi và phát triển cơ sở; chấn chỉnh bộ đội và dân quân du kích, lấy hoạt động vũ trang làm áp lực củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ sở kháng chiến theo nguyên tắc bí mật và phương châm vết dầu loang*. Thực hiện chủ trương trên, Ủy ban kháng chiến hành chính và các ngành công an, huyện đội, Mặt trận, các đoàn thể Phụ nữ, Thanh niên, Nông hội, Công đoàn... tiếp tục đưa cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về các làng xã bám dân, tuyên truyền đường lối kháng chiến, vạch trần âm mưu nham hiểm của địch. Bộ đội Lê Lợi chia từng tổ xuống các xã. Lực lượng du kích bí mật phát triển nhanh. Xã Tam Hà (Kênh Giang, Hòa Bình) và một số nơi lập đội nữ du kích, hoạt động khá tích cực. Tỉnh Quảng Yên tăng cường đại đội 34 (thuộc trung đoàn 98) về Thủy Nguyên. Đơn vị này cũng phân tán từng tiểu đội phối hợp và hỗ trợ cho cán bộ các ngành, đoàn thể “*Bám dân, bám đất*”. Ở vùng địch, tề ngụy và chỉ điểm dấy đặc không có lực lượng vũ trang hỗ trợ, cán bộ, đảng viên rất khó hoạt động. Vì vậy, công tác phục hồi cơ sở rất cần có sự hỗ trợ của hoạt động vũ trang.

Tháng 7-1948, Hội nghị đại biểu của Đảng bộ huyện, họp tại thôn Thiên Đông (Đông Sơn), đề ra chủ trương phát triển nhân dân chiến tranh, phá tề, trừ gian, giành quyền làm chủ... Tinh thần Hội nghị được

triển khai sâu rộng đến các chi bộ Đảng, các ban ngành, đoàn thể và nhân dân trong huyện. Đại đội Lê Lợi, đại đội 34 (trung đoàn 98) trước đây phân tán xuống các làng xã nay được tập trung trở lại làm lực lượng cơ động của huyện. Lực lượng vũ trang đẩy mạnh hoạt động, kết hợp binh vận với sử dụng nhân mối để tập kích đồn địch. Ở các xã, lực lượng dân quân, du kích được tăng cường đảng viên. Ban Chỉ huy xã đội do một đồng chí trong cấp ủy phụ trách (trừ hai xã Cao Nhân và Dương Quan). Số dân quân toàn huyện tăng từ 200 lên 1.000 người. Các xã lập 1 tiểu đội hoặc 1 trung đội du kích trung kiên, có từ 20 đến 36 người. Lực lượng vũ trang ta đẩy mạnh hoạt động, kết hợp binh vận với sử dụng nhân mối để tập kích đồn địch. Du kích Lâm Động dùng gậy tre phục kích đánh 1 tiểu đội địch đi tuần, thu 7 súng. Ngày 29-9-1948, dân quân du kích xã Minh Tân tập kích đồn Trảng Kênh lần thứ 2, bắt sống 26 tên, thu 29 súng. Du kích xã Lưu Kiếm kết hợp nội ứng tập kích đồn Sảng, bắt sống toàn bộ lính ngụy và thu nhiều vũ khí. Ngày 18-10-1948, một tiểu đội của đại đội 34 cùng du kích Kỳ Sơn phục kích đánh địch trên đường Phi Liệt đi Doãn Lại nhưng không thu được kết quả...

Đầu tháng 10-1948, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mở rộng họp ở thôn Mỹ Cự (Chính Mỹ), quyết định mở đợt “*Tổng phá tề, trừ gian, tiến công đồn giặc, phát động chiến tranh du kích*”. Mục đích cơ bản là: *Giải tán bộ máy tề trong toàn huyện; đánh nội ứng một số đồn và tước vũ khí của Bảo an để trang bị cho dân quân du kích, bộ đội huyện, phát động chiến tranh du kích...*

Công việc chuẩn bị hết sức khẩn trương. Dưới sự chỉ đạo thống nhất của Huyện ủy, đêm 20-10-1948, để thăm dò tình hình địch, lực lượng vũ trang và nhân dân tiến hành bắt một số tề, ngụy đầu sỏ, tước vũ khí của lính Bảo an ở các khu vực trọng điểm, thu được 97

khẩu súng. Kết quả bước đầu đã tạo được khí thế quần chúng. Đêm 24 rạng ngày 25-10-1948, cuộc tổng phá tề chính thức bắt đầu. Ban Chỉ đạo ra lệnh cho bộ đội, dân quân du kích phối hợp và làm nòng cốt cho nhân dân toàn huyện nổi dậy giải tán các ban tề, tước vũ khí của lính bảo an, bao vây, tiến công đồn địch. Tiếng trống, tiếng chiêng cùng với tiếng hô khẩu hiệu, hò reo của dân chúng náo động khắp huyện. Bộ đội, du kích xã bao vây, kêu gọi binh lính địch ở các vị trí ra hàng; tập kích đồn giặc. Bộ máy tề bị giải tán ở 82 thôn xã. Nhiều tên gian ác bị bắt. Tiếp các ngày sau, mọi người nô nức đi phá đường chặn giặc tiếp vận, giải toả các đồn chốt, phá hoại đường Si - Quảng Cự, Thanh Lãng - Phi Liệt, phá sập cầu Vũ Sơn, đường máng nước, cắt đường dây điện thoại từ Núi Đèo đến bến Đoàn... Nhiều nơi dựng cổng chào, căng biểu ngữ chào mừng thắng lợi. Ủy ban kháng chiến hành chính và đoàn thể các xã ra hoạt động công khai. Một số xã Lâm Động, Dương Quan, Hoàng Pha còn lập trụ sở, treo cờ. Tính đến ngày 28-10-1948, hơn 100 binh lính địch ra hàng, ta thu được 125 súng và nhiều loại vũ khí khác.

Cuộc tổng phá tề bằng vũ trang kết hợp với quần chúng nổi dậy cùng lúc trong toàn huyện làm cho địch hết sức bất ngờ, hoang mang, nằm im. Bộ máy tề ngụy và hệ thống Bảo an bị xóa, nhiều binh lính bỏ ngũ. Nhân dân và quân du kích trong huyện tích cực đào hầm hào, rào làng chiến đấu, tạo thế trận liên hoàn giữa các xã, tổ chức tuần tra, canh gác sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ sản xuất, hội họp, học tập văn hóa. Tinh thần kháng chiến của nhân dân Thủy Nguyên trong những ngày *Tổng phá tề* được báo Cứu Quốc, ngày 6-12-1948, biểu dương: “*Tại Hồng Quảng toàn thể nhân dân Thủy Nguyên đứng lên giết giặc, dân chúng vác cờ đi diễu phố, đàn bà cầm đòn gánh đánh Tây, máng dẫn nước vào thành phố bị phá, hơn 100 binh lính địch đem 100 súng trở về hàng ngũ*”. Đồng chí Tổng Bí thư





Nơi diễn ra hội nghị Đảng bộ huyện lần thứ Nhất, tháng 7-1948 (nhà ông Phạm Văn Gối, xã Đông Sơn)

Trường Chinh gửi tập ảnh lãnh tụ về tặng Thủy Nguyễn và đánh giá “Việc phá tề toàn huyện Thủy Nguyễn, từ ngày 20 đến 27-10-1948 và việc đột kích vào Hà Nội đã góp phần không cho địch tập trung quân và rảnh tay đối phó...”

Cuộc nổi dậy “Tổng phá tề, trừ gian, tiến công đồn bốt địch giành quyền làm chủ” trong những ngày cuối tháng 10-1948 có ý nghĩa rất lớn, thể hiện tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng bộ và nhân dân Thủy Nguyễn. Tuy còn có một số mặt hạn chế nhưng sự kiện ngày 25-10-1948 đã tạo bước chuyển biến căn bản trong phong trào kháng chiến trên địa bàn Thủy Nguyễn.

Sau những đòn choáng váng, quân Pháp được tăng cường, mở các cuộc càn quét, khủng bố ác liệt nhằm tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Đó là những ngày đẫm máu. Cụ già, trẻ em, phụ nữ bị chặt đầu, thiêu sống, nhà cửa bị đốt trụi, khói bay ngút trời. Nhiều làng xã bị địch tàn phá dã man, nhất là khu vực Lâm Động, Lôi Động, Bính Động, Hoa Động, Hoàng Pha, Trinh Hương, Kiên Bái, An Lư... Chúng thực hiện “Đốt sạch, quét sạch,

phá sạch”. Chỉ trong vòng 2 tháng (11 và 12-1948), chúng đã tiến hành 230 cuộc càn quét lớn nhỏ. Hàng trăm người bị giết hại, hàng vạn nóc nhà bị cháy. Có lần lửa cháy suốt hai, ba ngày đêm, đổ rục cả một vùng. “Khói bay nghi ngút ngập trời, căm thù giặc Pháp biết đời nào quên” trở thành câu ca lưu truyền trong nhân dân. Làng xã nào địch đi qua đều để lại tang tóc. Điển hình là vụ ngày 30-10-1948, khi càn vào Lâm Động, hầu hết nhân dân đã tạm lánh đi nơi khác, chúng bắt 11 cụ già. Chúng đã mổ bụng, chặt đầu

đem bêu ở đường cái. Chúng còn phun xăng đốt, phá đình chùa, bắn giết hàng trăm trâu bò. Trong các trận càn chúng sục tìm hầm bí mật, dùng chỉ điểm bắt cán bộ và quần chúng trung kiên. Nhiều đảng viên và quần chúng bị địch bắt, bị tra tấn dã man nhưng vẫn một lòng trung thành với Đảng, với kháng chiến. Sự tổn thất về người và của trong toàn huyện rất lớn. Số cán bộ, đảng viên và dân quân du kích bị địch bắt, bị hy sinh ngày càng nhiều. Nhưng dân quân du kích vẫn bám trụ hoạt động, anh dũng chống càn. Bộ đội Lê Lợi, đại đội 34 phối hợp với du kích vẫn thường xuyên chủ động đánh địch.

Tháng 12-1948, thành phố Hải Phòng tách ra khỏi Liên tỉnh Hải - Kiến. Huyện Thủy Nguyễn lại nhập về Hải Phòng và trở thành địa bàn quan trọng cho các cơ quan của thành phố đóng và tạo đường cho cán bộ xâm nhập vào nội thành hoạt động. Thủy Nguyễn hình thành hai khu vực: Khu núi đá, chủ yếu trên địa bàn 2 xã Kỳ Sơn, Phù Ninh và các xã giáp ranh Ngọc Địch - Mỹ Sơn, Cao Nhân... là khu du kích và căn cứ kháng chiến, ta làm chủ cả ngày lẫn đêm. Bộ máy tề ngụy hoàn toàn bị

xóa bỏ. Chính quyền kháng chiến điều hành mọi công việc. Nhân dân đi lại tự do, tăng gia sản xuất hội họp, học văn hóa, chính trị. Vùng này và xã Minh Tân (Yên Hưng) là địa bàn dừng chân để xuất phát của cơ quan giao thông vào vùng địch của Thành ủy và các cơ quan của thành phố. Những xã phía Đông - Nam huyện: Từ Hoàng Pha, Lâm Động, Kiên Bái, Thiên Đông đến Phục Lễ... nằm sâu trong vùng nhiều đồn bốt nên bị địch o ép mạnh. Bộ máy tề ngụy được tăng cường. Địch lập sổ “Kiều ốc” (sổ nắm dân), làm thẻ căn cước, để kiểm soát đi lại của dân, tăng cường tuần tiễu, lùng sục, phục kích đón bắt cán bộ. Từ đầu năm 1949, tình hình kháng chiến trên địa bàn Thủy Nguyễn ngày càng trở nên khốc liệt. Địch tổ chức càn quét liên miên. Đặc biệt, ngày



Bia ghi tội ác của thực dân Pháp tại hồ Lâm Động

13 và 14-2-1949 (ngày 16 và 17 tháng Giêng năm Kỷ Sửu), địch huy động 800 quân bao vây khu vực rộng lớn, càn vào các xã Hoàng Động, Hoa Động, Lâm Động, Thiên Hương, Kiên Bái... Bắt được người nào, chúng giết người nấy. Suốt từ sáng đến chiều, cạnh đình làng Lâm Động, chúng đã hành hình, dùng dao cắt cổ 108 người, máu đỏ thắm cả ao làng. Số

người này bị chúng bắt từ các nơi về. Chỉ có một người sống sót. Tiếp đó, từ ngày 18-4-1949, chúng lại mở đợt càn kéo dài 17 ngày vào khu Minh Tân, Lưu Kiếm, nơi có nhiều cơ quan của Thành ủy, Công đoàn, Giao thông của thành phố Hải Phòng đóng, đốt cháy nhiều nhà cửa, giết 27 cụ già và em nhỏ rồi ném vào lửa... Trong 6 tháng đầu năm 1949, hoạt động vũ trang của bộ đội và dân quân du kích huyện giảm hẳn, kẻ thù tái “bình định” được toàn bộ khu Đông - Nam huyện.

Trước sự khủng bố gắt gao của địch, nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt, cơ sở kháng chiến ở một số làng xã bị phá hoặc phải bật khỏi địa bàn. Không ít cán bộ, đảng viên dao động, cầu an. Để đối phó với tình hình trên, Huyện ủy đề ra chủ trương giữ vững khu căn

cứ, tăng cường công tác bảo mật, phòng gian, đưa cán bộ bí mật về bám những vùng địch tái lập tề. Phong trào kháng chiến của huyện từng bước được phục hồi. Một số đơn vị bộ đội của thành phố, huyện An Dương lấy Thủy Nguyễn làm địa bàn đánh địch và xây dựng lực lượng. Do đó, từ giữa năm 1949 trở đi, chiến tranh du kích dần lan rộng khắp huyện. Khu du kích được củng cố. Bộ đội, dân quân du kích tích cực đẩy mạnh hoạt động, gây cho địch nhiều thiệt hại, làm giảm bớt các trận càn quét lớn.

Công an đã phối hợp với các đơn vị xây dựng một số địa bàn an toàn để Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và một số ngành chuyển vào hoạt động trong vùng địch kiểm soát. Cán bộ, chiến sĩ công an cùng lực lượng vũ trang huyện phân tán xuống các xã cùng địa phương xây dựng cơ sở, trừng trị những tên tề ác, đưa người của ta vào các ban



tê. Cùng đó, đội biệt động quận Công an huyện còn tập kích vị trí quân Pháp ở bến Bính, diệt tên đồn trưởng, thu 2 súng. Đến tháng 7-1948, các xã đã trưng trị 30 tên tề ác và bắt một số tên đưa về khu căn cứ để giáo dục. Quận Công an thành lập các trạm kiểm soát bí mật ở Thiên

động của do thám chỉ điểm trà trộn hoạt động, đồng thời gây dựng cơ sở ta vào vùng địch kiểm soát.

Cuối năm 1950, thực hiện Nghị định 137 của Bộ Nội vụ, Ban Công an xã được thành lập thay cho Ban Trật tự xã. Ban Công an xã có nhiệm vụ bảo vệ tài sản nhân dân, giữ gìn trật tự trong xã, ngăn ngừa và bài trừ các tệ nạn xã hội, điều tra, báo cáo chính quyền xã, công an quận những tổ chức, hành động có phương hại đến địa phương.

Do tập trung lực lượng và mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng, nên hoạt động của quân Pháp ở vùng Hải Phòng - Kiến An có giảm. Nhân đó, tháng 4-1950, hai tỉnh, thành phố phát động đợt tổng phá tề lần thứ hai. Lực lượng dân quân, du kích đã hỗ trợ tích cực cho nhân dân nổi dậy phá tề,

trừ gian. Đợt phá tề này tuy không rầm rộ như trước nhưng nhân dân Thủy Nguyên đã phá 90 ban tề trong 92 thôn. Song khuyết điểm lớn vẫn phạm phải hành động “tả” phá tề tràn lan. Các ban tề có người của ta đưa vào hoạt động cũng đều bị phá hết, làm khó khăn cho việc gây nhân mối sau này.

Nhân đà đó, quân dân Thủy Nguyên đẩy mạnh đấu tranh bao vây kinh tế địch, không cho chúng cướp bóc, đốt phá của dân; không cho giặc mua bán thứ gì của dân, bài trừ hàng ngoại hóa... Do đó, vụ chiêm năm 1950, địch hầu như không thu được thuế. Khu căn cứ du kích của huyện và cả một số nơi như Đông Sơn, Chính Mỹ, Thiên Hương,



Áng Hồ (thị trấn Minh Đức) - nơi tập kết quân của Trần Quốc Tuấn đánh giặc Nguyên - Mông trên sông Bạch Đằng năm 1288, cũng là một trong những căn cứ của Thành ủy Hải Phòng trong kháng chiến chống Pháp

Đông, Câu Tú, Trại Sơn, An Ninh để nắm tình hình biến động của khu căn cứ, phòng ngừa do thám chỉ điểm địch trà trộn hoạt động.

Thực hiện chủ trương “Bao vây, phá hoại kinh tế địch”, từ tháng 6-1949, công an quận cùng các xã phát động toàn dân thực hiện đạt kết quả. Vụ chiêm địch không thu được thuế. Nhiều xã còn thực hiện giảm tô 25%. Một số xã trong vùng địch kiểm soát có phong trào khá đã mở rộng diện tiêu tiền Việt Nam. Du kích phá đường dẫn nước từ Uông Bí về thành phố, cắt dây điện thoại. Công an lập trạm kiểm soát ngăn chặn hàng hóa, lương thực, thực phẩm từ vùng tự do vào vùng địch, để qua hình thức này nắm biến

Kiên Bái thực hiện tiêu tiền Việt Nam. Các xã Phù Ninh, Kỳ Sơn, Đông Sơn... còn mở chợ. Một số địa phương tiến hành giảm tô 25%, xây cống, đắp bờ giữ nước phục vụ sản xuất, mở lớp bình dân học vụ, 70% người được thanh toán nạn mù chữ, 7 thôn được thanh toán hoàn toàn... Phong trào kháng chiến phát triển khá rầm rộ.

Từ đầu năm 1951, để bảo vệ khu cố thủ Hải Phòng, quân Pháp xây dựng một hệ thống đồn bốt, boong ke, gồm hàng trăm chiếc, dọc theo đường giao thông, đường máng nước, các chân núi đá, bờ sông, bến đò... tạo thành phòng tuyến ngăn chặn những hoạt động của ta. Chúng tiếp tục lập thêm đồn bốt ở An Ninh, Doãn Lại, chùa Hang, Điều Tú, núi Đông... tổng cộng là 29 vị trí, chưa kể các đồn Bang tá (của ngụy quân). Chúng tiếp tục thực hiện âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” ra sức đánh phá cơ sở kháng chiến, nhằm tiêu diệt và đẩy lực lượng ta ra ngoài. Chúng khủng bố, ép bắt nhân dân để thiết lập một số làng điểm “phản động”, tạo vành đai ngăn chặn hoạt động của ta từ khu căn cứ du kích tới phía Nam huyện. Phong trào kháng chiến của Thủy Nguyên trải qua một thời kỳ khó khăn, quyết liệt. Địch khủng bố, vây càn rất gắt gao. Nhiều hầm bí mật bị lật. Nhiều cán bộ, đảng viên, du kích bị địch bắt, bị giết, số còn lại phải “bật đất” phân tán khắp nơi. Một số huyện ủy viên bị địch bắt, giết. Ông Phạm Chí Viễn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, bị địch bắt tháng 3-1951 trong một trận càn lớn kéo dài 7 ngày ở khu căn cứ du kích Trại Sơn (hang chợ Giời). Chi ủy viên chi bộ Kênh Giang bị địch mổ bụng vẫn không hề khai báo. Nhiều giao thông viên, du kích, phần nhiều là chị em phụ nữ, chịu đựng gian khổ, nằm hầm, ngủ bụi, hy sinh tính mạng. Còn biết bao đảng viên và nhân dân hy sinh cho sự nghiệp kháng chiến. Nhiều gia đình cơ sở ở Kiên Bái, Thiên Hương,

Đông Sơn, Thủy Sơn, Kênh Giang, Lâm Động... đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, bộ đội... bị địch bắt, bị tra tấn dã man vẫn không hề khai báo có hại cho kháng chiến. Trong khi đó, không ít đảng viên hoang mang, dao động, chạy dài, nằm im, thoái thác nhiệm vụ hoặc đầu hàng, xuất thú. Một số đảng viên, có cả cán bộ chủ chốt, khai báo cho địch phá cơ sở. Đến giữa năm 1952, số đảng viên toàn huyện từ 2.223 giảm còn 1.379 người. Nhiều đảng viên phân tán tại các khu sản xuất ở vùng tự do Tân Mộc, Mai Sứ, Đồng Vành bên kia dãy núi Yên Tử (thuộc huyện Lục Nam, Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang). Sau khi địch đóng thêm nhiều vị trí ở phía Bắc huyện, khu căn cứ du kích bị thu hẹp. Các cơ quan huyện, đại đội Lê Lợi phải vượt sông sang đóng tại Áng Vải, Áng Dẫy (Kinh Môn) tiếp tục chỉ đạo kháng chiến, thực hiện chủ trương chuyển hướng hoạt động của Thành ủy Hải Phòng.

Tháng 5-1951, Hội nghị cán bộ của Thành Đảng bộ Hải Phòng lần thứ 2, tại Đèo Voi (Quảng Yên), chủ trương: *Chuyển hướng mọi mặt hoạt động, trước mắt chấm dứt hoạt động vũ trang rầm rộ, chuyển sang đấu tranh chính trị, kinh tế là chính, triệt để lợi dụng mọi khả năng hợp pháp để tranh thủ tập hợp quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày, công tác tổ chức phải tuyệt đối thực hiện nguyên tắc hoạt động bí mật...* Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thủy Nguyên mở rộng được triệu tập, từ ngày 12 đến ngày 21-7-1951, tại căn cứ Nhị Chiểu (Kinh Môn). Hội nghị tập trung thảo luận, đánh giá tình hình địch, tình hình phong trào của huyện và đề ra những nhiệm vụ cụ thể, thực hiện chuyển hướng *lấy đấu tranh chính trị, kinh tế, tranh thủ nhân dân là chính. Cán bộ, đảng viên trở về địa bàn bám dân, phục hồi cơ sở, phát động quần chúng đấu tranh với địch.* Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng có vị trí quan trọng,



khẳng định quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân khôi phục bằng được cơ sở và phong trào. Tuy nhiên, việc chuyển hướng lấy đấu tranh chính trị, hợp pháp là chính, lực lượng vũ trang phải chôn giấu vũ khí đã dẫn đến tổn thất lớn cho phong trào kháng chiến.

Phát hiện ra chủ trương chuyển hướng của ta, trên địa bàn Thủy Nguyên, suốt những năm 1951-1953, thực dân Pháp tiếp tục tăng cường hoạt động quân sự, vừa đẩy mạnh khủng bố, vừa ra sức lừa phỉnh để tranh thủ quần chúng với ta và đối phó với nguy cơ thất bại. Chúng điều trung đoàn thuộc địa bộ binh số 6, thay thế trung đoàn 24 về địa bàn Thủy Nguyên. Ngoài ra, chúng vẫn tiếp tục bổ sung lực lượng cho các tiểu khu Doãn Lại, Phi Liệt. Tiểu đoàn lính thợ ráo riết ngày đêm xây dựng hệ thống boong ke, tạo thành những điểm xa ở các tuyến phòng thủ ven núi đá An Sơn, Lại Xuân, Liên Khê... tiến hành sửa chữa đường Núi Đèo - Kiên Bái, làm cầu phao ở bến Kiên nối liền với đường 5 đảm bảo cơ động quân ứng cứu cho nhau. Chúng sử dụng cao độ hỏa lực cụm pháo binh ở Phi Liệt để khống chế địa bàn khu núi đá.

Cùng với việc tăng cường phòng thủ tuyến phía Bắc huyện, địch còn ra sức củng cố nguy quân, nguy quyền, đẩy mạnh hoạt động do thám, nhằm tiêu diệt và đánh bật cơ sở của ta. Về nguy quyền, địch lập bang Tân Dương, Chung Mỹ, Phi Liệt và Thanh Lãng. Về nguy quân, trên cơ sở xây dựng hệ thống tổng, bang, quận, từ đầu năm 1953, địch thống nhất thành chi đội (đại đội) và bố trí làm 3 chi đội (tiểu đoàn) địa phương quân để càn quét cơ động trên địa bàn huyện. Những tên chỉ huy được tuyển chọn từ những phần tử phản động, có thâm thù với kháng chiến, được đào tạo chính quy nên rất gian ác và xảo quyệt. Từ đó, hầu hết các trận càn đều do bọn nguy quân, nguy quyền đảm nhiệm. Khi cần thiết mới có sự hỗ trợ của đồn binh Pháp. Lực lượng do thám, chỉ điểm, bằng các

thủ đoạn mua chuộc, kích động hằn thù và khống chế, địch đã tổ chức được mạng lưới khá dày đặc. Hệ thống này đều do bọn phòng Nhì (2B), quân báo (OR), công an mật vụ và các đồn bốt tổ chức, chỉ huy do thám, đánh phá cơ sở kháng chiến; trao giải thưởng 1.000 đồng (Đồng Dương) khi bắt được một cán bộ Việt Minh...

Thực dân Pháp đẩy mạnh việc dồn làng, đuổi dân ở các vùng ven căn cứ du kích Doãn Lại, Trại Sơn, Liên Khê và quanh các vị trí để lập vành đai trắng. Hàng nghìn đồng bào bị đuổi phải sống lang thang, khổ cực. Chúng bắt dân chụp ảnh, lập thẻ để quản lý việc đi lại, cấm không cho buôn bán hàng hóa, muối, dầu hỏa, thuốc chữa bệnh vào khu căn cứ du kích. Chúng không chú ý đến việc sửa chữa đê điều, cầu cống... làm sản xuất của nhân dân gặp khó khăn.

Về chính trị, chúng ra sức lừa phỉnh, tuyên truyền rùm beng chủ trương “Việt Nam độc lập”, “Bảo Đại hồi loan”, lập các tổ chức quần chúng giả hiệu nhằm lôi kéo quần chúng: thanh niên, phụ nữ, phụ lão, Phật tử... Ở những nơi đông giáo dân, chúng lập Đoàn thanh niên Công giáo chống Cộng, đội vũ trang Tử vì đạo. Toàn huyện, trong năm 1952, chúng lập được 5 chi hội Phật tử ở Kiên Bái, Mỹ Sơn (Mỹ Sơn - Trung Sơn), Tuy Lạc (Tuy Lạc - Kinh Triều - Khuông Lữ), Phục Lễ... Ban Chấp hành các tổ chức này đều do các tổng ủy, xã ủy điều khiển. Hội viên phần lớn bị ép buộc.

Tình hình kháng chiến hết sức ác liệt, thực hiện chuyển hướng hoạt động là cuộc đấu tranh đầy thử thách. Cán bộ, đảng viên, du kích, quần chúng trung kiên phải trải qua những năm tháng đầy gian khổ, hy sinh. Hàng tháng trời, cán bộ, đảng viên, bộ đội phải phân tán, ẩn náu ngoài cánh đồng, bờ sông, bãi sù, hoặc ngủ hầm, đêm đêm mới vào làng bắt liên lạc gây cơ sở, gần sáng lại rút

để tránh địch. Cảnh nhịn đói, nhịn khát, nằm hầm nhiều ngày, quần áo ẩm ướt, bệnh tật phát triển, sức khỏe giảm sút. Nhiều đồng chí bị địch phục kích đón bắt, bị bắn chết hoặc bị mang bệnh tật, đau ốm suốt đời. Trong thời kỳ khó khăn này, nhiều địa phương trong huyện vẫn duy trì đường dây liên lạc bí mật của Đảng. Thành ủy Hải Phòng đóng tại Đèo Voi tổ chức hệ thống giao thông để chỉ đạo phong trào đấu tranh trong nội thành. Hệ thống này đều qua địa bàn Thủy Nguyên và điểm đầu mối trung chuyển ở làng Trúc Sơn (Đông Sơn). Cán bộ và tài liệu từ Đèo Voi được chia làm nhiều tuyến: Qua Tràng Bản (Đông Triều), vượt đường 18 sang Áng Vải (Nhị Chiểu, Kinh Môn) sang Trại Sơn về Trúc Sơn; qua khe Châm - Năm Mẫu vượt sông Đá Bạc về Dưỡng Động qua sông Giá sang Trúc Sơn; qua Năm Mẫu vượt đèo Quang Hải và đường 18, qua sông Đá Bạc, sông Giá, thôn Mỹ Giang và sang Trúc Sơn (đường dự phòng). Từ trạm Trúc Sơn, cán bộ, tài liệu chuyển qua sông Trịnh, sang xóm Đồng Sứ (Trịnh Xá). Trạm này có 4 chị em, tài liệu và cán bộ tiếp tục đến các trạm ở Kiên Bái, Lâm Động, Hoa Động, Hoàng Động... tỏa nhiều đường vượt sông Cấm sang An Dương và vào nội thành. Ngược lại, nếu cán bộ và tài liệu từ nội thành ra sẽ qua các trạm ven đô và xóm Sứ đi An Sơn vượt sang Đèo Voi. Như vậy, các trạm giao thông trên đất Thủy Nguyên giữ vị trí đặc biệt quan trọng và có công lớn trong triển khai sự chỉ đạo của Thành ủy, Huyện ủy. Với tinh thần chịu đựng gian khổ, sẵn sàng hy sinh của cán bộ, đảng viên, quần chúng trung kiên và được sự chở che, giúp đỡ của nhân dân nên phong trào kháng chiến của huyện, của thành phố từng bước được khôi phục và phát triển.

Trước tình hình địch khủng bố ác liệt, cơ sở đảng và kháng chiến bị vỡ nhiều nên Huyện ủy đã tiến hành kiện toàn tổ chức. Một



Liệt sĩ Trần Thố (Xích Thố)

số xã mới được thành lập: Cầu Tử Nội, Cầu Tử Ngoại, Cao Kênh tách khỏi Cao Nhân lập xã Hợp Thành; xã Thiên Hương tách lập thêm xã Đông Sơn (Trà Sơn, Trúc Sơn); xã Hoàng Hoa tách lập Hoàng Động, Hoa Động; xã Ngũ Lão tách lập thêm xã An Chung; bỏ xã Mỹ Sơn; đổi xã Ngọc Dịch thành xã Mỹ Thanh (Mỹ Sơn - Thanh Lãng)... Các ngành, giới, đoàn thể của huyện cũng được sắp xếp lại, đưa cán bộ về bám địa bàn. Cơ quan Giao thông - Bưu điện phải đảm bảo giữ vững đường dây liên lạc chặt chẽ. Một số cán bộ, đảng viên được bố trí chụp ảnh làm thẻ cho địch, sống hợp pháp hoặc tham gia các ban tế, để bí mật hoạt động, tạo điều kiện sống sát quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch hàng ngày.

Trong thời kỳ chuyển hướng lấy đấu tranh chính trị là chính, tuy có thu được một số kết quả nhưng với hai bàn tay không, chỉ



có tinh thần cách mạng và lý lẽ, quần chúng bị kẻ thù khủng bố dã man. Ở địa bàn địch chiếm đóng sâu, không sử dụng đấu tranh vũ trang để hỗ trợ cho quần chúng là không phù hợp. Kẻ thù tự do hoành hành. Bộ đội, dân quân du kích, công an phải chôn giấu súng đạn. Nhiều trường hợp bộ đội, du kích có vũ khí trong tay mà không được nổ súng, chịu để địch bắt hoặc hy sinh. Nổ súng sẽ vi phạm kỷ luật, nếu nơi nào có điều kiện đánh địch phải được Thành ủy đồng ý. Cán bộ, đảng viên, du kích, quần chúng trung kiên phải trải qua những năm tháng đầy gian khổ, hy sinh. Hàng tháng trời, cán bộ, đảng viên, bộ đội phải phân tán, ẩn náu ngoài cánh đồng, bờ sông, bãi sù, hoặc ngủ hầm, đêm mới vào làng bắt liên lạc gây cơ sở, gần sáng lại rút để tránh địch. Cảnh nhện đói, nhện khát, nằm hầm nhiều ngày, quần áo ẩm ướt, bệnh tật phát triển, sức khỏe giảm sút. Nhiều cán bộ bị địch phục kích đón bắt, bị bắn chết hoặc bị mang bệnh tật, đau ốm suốt đời. Thực tế đó dẫn đến nảy sinh tư tưởng bất bình trong cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang. Số đảng viên của huyện từ 1.379 xuống còn 1.200, nhưng có tới một nửa nằm im không hoạt động. Một số nơi cơ sở hầu như tan vỡ, nhất là khu vực Đông - Nam Núi Đèo. Cán bộ, đảng viên bị bắt ra ngoài. Trong bối cảnh đó, đảng viên, quần chúng trung kiên vẫn quyết tâm bám sát cơ sở, đào hầm bí mật, tạo điều kiện cho cán bộ hoạt động. Phong trào chống địch bắt lính, thu thuế, binh nguy vận vẫn được duy trì, tạo điều kiện cho việc phục hồi và giữ vững cơ sở.

Sau thất bại ở biên giới, địch tăng quân về Thủy Nguyên để bảo vệ hành lang an toàn khu cố thủ Hải Phòng. Bộ máy nguy quyền được củng cố. Nhiều đồn bang tá, phòng công an nguy, dưới cái tên “*Phòng Thông tin*” được thành lập. Mạng lưới do thám chỉ điểm của

địch được cài cắm vào các ban tế và kích động, thu hút những phần tử bất mãn, số cán bộ, đảng viên bị tra tấn dã khai báo, đầu hàng phản bội, làm tay sai. Cuối năm 1951, lực lượng công an cùng cán bộ, đảng viên trở về vùng địch để bám đất, bám dân phục hồi cơ sở, phát động phong trào đấu tranh.

Công an phối hợp với các nhân mối và các xã diệt một số tên tề cực kỳ nguy hiểm, như tên bang Trinh ở đồn Tân Dương, bang Chút ở Đồng Giá, bang Đàm ở Thanh Lãng và bắt một số chánh tổng ở Thượng Côi, Ngọc Khê. Ngày 5-6-1952, đồng chí Nguyễn Đức Miên, Trưởng Công an huyện công tác tại xã Kiên Bái, bị địch lật hầm. Đồng chí ném lựu đạn và nổ súng diệt, làm bị thương nhiều lính địch, đã hy sinh anh dũng.

Ngày 20-3-1952, hội nghị cán bộ Ty Công an Hải Phòng xác định nhiệm vụ công tác, theo tinh thần hội nghị công an toàn quốc lần thứ 5, là: “*Nhiệm vụ trung tâm là bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân. Công tác cụ thể là chống gián điệp, chống phản động, giữ gìn trật tự an ninh. Còn công tác tình báo chiến lược, quân báo, địch vận, diệt bù nhìn, bao vây kinh tế địch, công an không phụ trách nữa*”. Quận Công an đổi thành Công an huyện. Công an huyện giải thể Đội công an hành động, biên chế còn 13 cán bộ, chiến sĩ. Đầu năm 1954, theo chủ trương của Huyện ủy, bộ đội huyện được tái lập, du kích phát triển quân số, công an huyện xây dựng kế hoạch củng cố công an xã và đẩy mạnh diệt tề trừ gian.

Những năm kháng chiến, lực lượng công an cùng quân và dân chiến đấu chống địch đánh chiếm và khôi phục cơ sở. Vùng núi đá Kỳ Sơn - Phù Ninh được xây dựng thành khu căn cứ kháng chiến của huyện. Đội Công an hành động kết hợp với các xã, lực lượng vũ trang khu căn cứ xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào “*Bảo mật, phòng gian*”, tham gia

chiến đấu và bố trí một tổ công tác bí mật bám địa bàn Trinh Xá, Núi Đèo, để nắm tình hình địch, phối hợp với các xã trừ gian, phá tề.

Cơ quan do thám (OR) của địch ở Núi Đèo do Phòng nhì (2 B) Hải Phòng chỉ đạo và phục vụ trực tiếp cho hoạt động quân sự. Chúng tổ chức tay chân điều tra cơ sở của ta trong vùng chúng kiểm soát và cho trà trộn vào dân tản cư hoặc buôn bán thâm nhập vào khu căn cứ của ta.

Khi Thủy Nguyên chuyển sang tỉnh Quảng Yên, Công an quận 3, thuộc Ty Công an Quảng Yên, phụ trách các huyện Thủy Nguyên, Đông Triều, Kinh Môn, đã điều một tổ về Thủy Nguyên, tập trung xây dựng mạng lưới cơ sở, gồm 2 loại điệp viên và tin viên, để điều tra tình hình địch. Công an quận 3 đề xuất với Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện tuyển chọn cán bộ cho Đội hành động trừ gian.

Tháng 5-1952, xảy ra vụ án chính trị đã có những ảnh hưởng gián tiếp tới phong trào kháng chiến ở Thủy Nguyên. Vụ án bắt đầu diễn ra từ Quảng Yên lan sang Hồng Gai và Hải Phòng, còn được gọi là “*Vụ án Hải - Hồng - Quảng*”. Nghi có tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân đảng chui vào nội bộ, các địa phương, trên đã chỉ đạo bắt giam nhiều cán bộ tỉnh, thành, huyện (riêng Hải Phòng nghi vấn 50 người, đã bắt giam gần 20 cán bộ, trong đó có cán bộ người Thủy Nguyên). Đầu năm 1953, Khu ủy Tả Ngạn và Trung ương đã xem xét, kết luận: Đây là đòn ly gián của địch, không có tổ chức phản động chui vào nội bộ.

Quân ta liên tiếp giành thắng lợi trên các chiến trường chính. Bộ đội và du kích Hải Phòng - Kiến An đã tiến hành một số trận đánh lớn vào tận sào huyệt của địch. Những chiến thắng này có tác động rất lớn đối với phong trào kháng chiến ở Thủy Nguyên. Xuất phát từ tình hình thực tế, Huyện ủy Thủy Nguyên đã chịu trách nhiệm, quyết định chủ

trương tiến hành vũ trang đánh địch ở vùng giáp khu du kích, để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của quần chúng. Chủ trương này được bộ đội, du kích và nhân dân phấn khởi. Lực lượng vũ trang đẩy mạnh diệt trừ những tên tề gian ác.

Tháng 10-1953, theo Quyết định của Chính phủ, huyện Thủy Nguyên chuyển sang tỉnh Quảng Yên. Thủy Nguyên trở thành địa bàn giải tỏa sự cô lập của tỉnh Quảng Yên vì địch đã chốt chặt đường chiến lược 18 vào vùng mỏ. Địch vẫn coi Thủy Nguyên là bức tường bảo vệ rất quan trọng cho khu cố thủ Hải Phòng. Đông - Xuân 1953 - 1954, kế hoạch Nava từng bước bị phá sản. Thực dân Pháp sử dụng địa bàn Thủy Nguyên làm cơ sở hậu cần, là nơi dồn tụ bại quân ở nhiều mặt trận về. Lính bại trận từ các nơi kéo về nằm ngổn ngang từ đình Phương Mỹ đến Núi Đèo, Thủy Tú, Kênh Giang... Các doanh trại được vội vã dựng lên ở nhiều nơi để cho vợ con lính về ở. Mặt khác, chúng tăng cường quân số, đồn bốt, sử dụng các điểm cao ở Núi Đèo, dãy Sơn Đào, làm các đường chạy quanh núi, hình thành một khu vực phòng thủ mạnh để ngăn chặn quân ta tiến vào thành phố Cảng từ phía Bắc. Do vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân Thủy Nguyên rất gay go, quyết liệt.

Đầu năm 1954, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ: “*Đẩy mạnh hoạt động quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị và công tác địch vận, mở chiến dịch tuyên truyền chiến thắng Đông - Xuân, phục hồi, phát triển cơ sở, có kế hoạch chống địch khủng bố*”. Các xã khẩn trương củng cố lực lượng dân quân du kích. Mỗi xã ít nhất có số du kích tập trung từ một tiểu đội trở lên. Sau khi đại đội Lê Lợi chuyển lên chủ lực, trung đội bộ đội tập trung của huyện được thành lập. Tỉnh Quảng Yên cũng điều động một số cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn Bạch Đằng về phối hợp. Công an huyện cũng được



tăng cường, cùng với các lực lượng vũ trang đánh địch. Từ đó, tiếng súng đánh giặc của quân và dân Thủy Nguyên lại rộ lên, hòa cùng chiến thắng chung của cả nước trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954.

Mở đầu đợt hoạt động vũ trang, ngày 2-2-1954, đồng chí Bí thư Huyện ủy, kiêm Chính trị viên Huyện đội, trực tiếp chỉ huy trận đánh vào vị trí địch ở Pháp Cỏ. Đây là vị trí quan trọng của địch án ngữ bên bờ sông Hàn Mấu, uy hiếp khu núi đá Kỳ Sơn, ngăn đường đi lại của ta từ căn cứ Kinh Môn vào nội địa. Đồn Pháp Cỏ được bố trí nằm trong hệ thống boongke kiểu mới, có nhiều đường hầm bí mật ở khu núi đá Phù - Kỳ, binh lính đông, được trang bị vũ khí tốt. Bộ đội và du kích đã bí mật áp sát, bất ngờ tập kích. Do công tác chuẩn bị, điều tra tốt, chỉ trong một giờ chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ binh lính địch, rút an toàn. Sau đó, địch lại phải củng cố, tăng cường thêm lính Âu - Phi cho vị trí này. Thắng lợi trên được lan truyền đi khắp nơi, gây không khí phấn khởi trong toàn dân, nhất là đồng bào sống trong vùng bị địch chiếm đóng sâu. Cùng đêm đó, bộ đội phối hợp với dân quân, kết hợp nội ứng, tiến công vị trí Hà Luạn, bắt sống tên chỉ huy và 27 binh lính, thu toàn bộ vũ khí và tập kích đồn Bang Tá ở Cầu Tử. Đồn Bang Tá ở Cầu Tử được xây dựng khá kiên cố, hỗ trợ cho âm mưu phản động hoá nhân dân, đã từng tra tấn, bắn giết nhiều cán bộ ta, phá vỡ nhiều cơ sở kháng chiến trong vùng. Tên bang trưởng và tất cả binh lính địch bị bắt.

Đầu năm 1954, những chiến thắng tập kích sân bay Cát Bi (ngày 7-3-1954) và ở Điện Biên Phủ đồn dập truyền về càng cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân Thủy Nguyên. Các trận đánh của lực lượng vũ trang huyện đã hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh. Bọn chỉ huy và binh lính địch

ở Thủy Nguyên hàng ngày phải chứng kiến cảnh thương tích của đội quân bại trận từ các nơi kéo về mà nơm nớp lo sợ phải ra trận, càng thêm hoang mang, phản ứng yếu ớt. Nhân dân kéo lên các vị trí địch đấu tranh, đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình và vận động binh sĩ địch bỏ ngũ. Nhân dân, suốt từ Phù Ninh, Kỳ Sơn, Hợp Thành, Cao Nhân, Kiên Bái, Trịnh Xá, Đông Sơn, Kênh Giang đến Hoàng Động, Hoa Động, Dương Quan, Ngũ Lão, Thủy Đường... đều kéo lên các vị trí Pháp Cỏ, Phi Liệt, Thanh Lãng, Si, cầu Giá và đông nhất là Núi Đèo. Địch ở các vị trí đều mở cổng đón tiếp đại diện, nhận đơn kiến nghị và hứa chuyển lên cấp trên. Khắp các vùng tạm chiếm, địch không dám cho binh lính đi càn quét, cướp bóc như trước. Ban đêm, chúng phải ngủ phân tán sợ bị ta tập kích. Các ban tế cũng hoảng loạn lo giữ thân. Thắng lợi dồn dập đã cổ vũ thanh niên Thủy Nguyên hăng hái tòng quân. Riêng 3 tháng đầu năm 1954, toàn huyện có gần 1.000 thanh niên tòng quân, đi dân công phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 2-1954, bộ đội huyện phối hợp với bộ đội tỉnh Quảng Yên tiến công diệt 3 vị trí địch ở Pháp Cỏ, Cầu Tử, Hà Luạn. Đồng chí Trưởng Công an huyện được phân công tham gia tập kích đồn Cầu Tử. Tên đồn trưởng bị diệt. Tên bang tá và một số tay sai bị bắt. Công an xã và du kích truy bắt 3 tên xã ủy phản động đưa đi cải tạo. Tháng 4-1954, Công an huyện cùng các xã Trung Hà, An Lữ, Ngũ Lão, Kinh Triều, Tam Hưng, Phục Lễ, Phả Lễ bắt đưa đi cải tạo nhiều tên tề ngụy gian ác.

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Phong trào đấu tranh chống bắt lính, binh ngụy vận diễn ra rộng khắp. Tháng 6-1954, bộ đội tỉnh cùng dân quân du kích liên tiếp tấn công các chốt cầu Giá, Phi

Liệt, Quỳnh Khê, Diệu Tú, chùa Hang, Phúc Liệt, Chung Mỹ, Pháp Cỏ lần 2 (ngày 4-6-1954)... bắt sống 139 tên, thu 17 súng trung liên, 29 súng tiểu liên, 75 súng trường, trên 2 tấn đạn, 3 tấn quân trang, quân dụng và phá hủy 3 pháo 105 ly, lực lượng ta hoàn toàn vô sự. Bị đánh khắp nơi và chịu sự tác động mạnh của Ban địch vận, binh lính địch ra hàng ngày một đông. Bốt Trịnh Xá có 3 trung đội thì 2 trung đội ra hàng. Ở đồn bốt nào cũng có lính địch mang vũ khí trở về. Chỉ tính trong 3 tháng 5, 6, 7 năm 1954, trạm đón tiếp hàng binh của huyện đã tiếp nhận 930 binh sĩ, trong đó có 3 lính Âu - Phi, chưa kể hàng trăm binh lính ở các vị trí tự bỏ ngũ.

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Chỉ còn vài giờ trước lệnh ngừng bắn có hiệu lực, bộ đội và dân quân du kích Thủy Nguyên đồng loạt tấn công nhiều vị trí Núi Đèo, Si, Phương Mỹ, cầu Giá, chợ Chùa (Chung Mỹ)... 0 giờ ngày 27-7-1954, lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta toàn thắng.

### 3. Đấu tranh trong vùng tập kết và giải phóng quê hương (7/1954 - 5/1955)

Theo Hiệp định Giơnevơ, huyện Thủy Nguyên nằm trong khu tập kết 300 ngày chuyển quân của Pháp. Chúng vẫn không từ bỏ dã tâm, ráo riết phá hoại Hiệp định, tăng cường khủng bố, tàn sát, cướp bóc, dụ dỗ và cưỡng ép dân di cư vào Nam, di chuyển, phá hoại máy móc, đẩy mạnh bắt lính, gài gián điệp, lập các tổ chức phản động nhằm thực hiện kế hoạch hậu chiến. Khắp các ngã đường về Hải Phòng, binh lính Pháp, phương tiện chiến tranh và dân di cư chen chúc, hỗn độn. Thủy Nguyên không có trại tập trung dân di cư nhưng binh lính địch dồn theo

đường bến Đụn, phà Rừng, cầu Giá về tụ tập tại Núi Đèo để sang thành phố. Chúng rút lính từ các đồn lẻ về đóng tại Núi Đèo, bốt Phi Liệt, chợ Si và vẫn tiếp tục củng cố các vị trí này, ngày đêm cho quân tuần tiễu, sục sạo vào các làng xã.

Cuộc đấu tranh trong vùng tập kết 300 ngày là cuộc đấu trí buộc địch thi hành Hiệp định Giơnevơ và chống những âm mưu thâm độc của chúng. Huyện ủy phát động cuộc đấu tranh chính trị của toàn dân trên các mặt chống địch phá hoại, di chuyển tài sản, máy móc, chống cưỡng ép dân di cư, đòi công con là binh lính ở lại, chỉ đạo các xã không bị địch chiếm đóng sớm ổn định đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất. Cuối năm 1954, tại mỏ đá Trảng Kênh, chủ nhà máy Xi măng đưa sà-lan, tàu kéo vào định di chuyển máy móc, công nhân mỏ và nhân dân các xã lân cận kéo đến tham gia đấu tranh giữ lại. Đến ngày lính địch rút khỏi Thủy Nguyên, những máy nén khí, máy khoan máy điện... vẫn được bảo vệ an toàn. Ngày 28-3-1955, quân Pháp cho ca-nô đến phá dỡ cầu phao Kiên Bái. Gần 2.500 người, phần đông là chị em phụ nữ các xã Kiên Bái, Cao Nhân, Trịnh Xá và An Hồng (An Dương)... kéo đến đấu tranh. Mặc trời mưa dầm, gió bắc, các bà, các chị vẫn ào xuống sông, giăng hàng giữ cầu. Địch phải huy động xe tăng, máy bay, ca-nô và điều thêm quân đến đàn áp mới dỡ được cầu. Nhân vụ địch bắn chết chị Nguyễn Thị Gái ở Kiên Bái, lập tức, nhân dân Kiên Bái, Trịnh Xá, Cao Nhân tập hợp thành đoàn người rất đông khiêng xác chị lên bốt Si đấu tranh đòi bồi thường tính mạng và tố cáo với Ủy ban Giám sát quốc tế.

Đối tượng chính của chiến dịch di cư mà Mỹ - Pháp và tay sai nhằm vào là đồng bào theo đạo Thiên chúa. Lợi dụng đức tin và sự hiểu biết hạn chế của giáo dân về chính sách của Chính phủ ta, kẻ thù dựng lên nhiều



chuyện giết gân, nhằm nhí rằng “*Cộng sản phá đạo*”, “*Chúa đã vào Nam*”, “*Cộng sản sẽ trả thù đẫm máu*”, “*Mỹ sẽ ném bom nguyên tử*”... Chúng còn xúi giục giáo dân chống lại cán bộ, bộ đội, đe dọa giết người, đốt nhà, khoét sâu mâu thuẫn nhân dân lương và giáo. Giáo dân ở các khu vực Đồng Giá, Nhân Lý, Hữu Quan, Lập Lễ, Gia Đức... nhất là ở những nơi cơ sở kháng chiến yếu, bồng bế con cái, gánh đồ đạc sang Hải Phòng tập trung để xuống tàu biển vào Nam theo Cha. Cán bộ, đảng viên và bộ đội huyện phân tán về các thôn có giáo dân để tuyên truyền chính sách của Đảng, Chính phủ, vạch trần âm mưu thâm độc của địch, vận động giáo dân ở lại quê hương. Toàn huyện chỉ có 200 gia đình di cư vào Nam.

Song song với những phong trào trên, phong trào địch vận diễn ra sôi nổi. Hàng ngày, nhân dân các xã thay nhau kéo lên bốt Si, Phi Liệt, Trịnh Xá, Núi Đèo, cầu Giá... đội khăn tang, đòi chồng, đòi con. Đối với lính ngụy, ta có khẩu hiệu vận động “*Đào ngũ về với gia đình làm ăn*”, với lính Âu - Phi là “*Hòa bình và hồi hương*”. Do đó, một đại đội quân dụng, tiểu đoàn lính pháo binh ở Núi Đèo và binh lính ở bốt Trịnh Xá, Kiên Bái... bỏ ngũ.

Nhiệm vụ cấp bách của công an huyện là nắm tình hình bọn do thám, gián điệp, phản động, tàn binh và những âm mưu phá hoại của địch. Lực lượng công an được tăng cường cho cơ sở, bổ sung củng cố Ban Công an xã. Hầu hết trưởng công an xã là cấp ủy viên. Mọi tình hình diễn biến của các đối tượng chính trị, hình sự được phản ánh kịp thời và được giải quyết ngay. Công an đã nắm được âm mưu chuẩn bị cất giấu vũ khí của bọn phản động ở Cầu Tử. Công an huyện kết hợp với các đội quân báo, địch vận và trạm đón tiếp hàng binh để nắm tình hình địch; bố trí cốt cán xây dựng cơ sở điều tra nắm ý đồ di chuyển máy móc ở mỏ đá Tràng

Kênh để có kế hoạch đối phó. Trong đấu tranh chống di cư, cán bộ, đảng viên và bộ đội, công an huyện phân tán về các thôn có giáo dân để tuyên truyền chính sách của Đảng, Chính phủ, vạch trần âm mưu thâm độc của kẻ thù, vận động giáo dân ở lại quê hương. Trong khi vận động, do kẻ xấu xúi giục, bà con đã gây xung đột, đánh bộ đội, công an nhưng anh em vẫn kiên trì thuyết phục. Do đó, nhiều gia đình đã ở lại.

Chuẩn bị cho tiếp quản, Công an huyện, Huyện đội được giao nhiệm vụ lập kế hoạch tiếp quản và bảo vệ tiếp quản. Đầu tháng 5-1955, tại xã Lưu Kiếm, Công an huyện và Huyện đội đại diện cho huyện thống nhất kế hoạch hiệp đồng với Ban Chỉ huy Trung đoàn 64-đơn vị chủ trì tiếp quản huyện Thủy Nguyên. Ngày 13-5-1955, ngay sau nhận bàn giao từ quân đội Pháp, Công an huyện, Huyện đội và các đơn vị đóng quân cùng các xã triển khai lực lượng bảo vệ an toàn các đơn vị tiếp quản, chuẩn bị kế hoạch bảo vệ mít tinh chào mừng quê hương được giải phóng.

Trước sự đấu tranh kiên cường của nhân dân ta, thực dân Pháp buộc phải thi hành Hiệp định Giơnevơ. Thành phố Hải Phòng được giải phóng. Miền Bắc Việt Nam được giải phóng. Đúng 7 giờ 30 phút sáng 13-5-1955, bộ đội và các cơ quan Đảng, chính quyền, các đoàn thể của huyện từ vị trí tập kết tiến về giải phóng huyện. Cổng chào, khẩu hiệu, cờ đỏ sao vàng dựng lên ở các ngã đường. Nhân dân các nơi đổ về rợp đường quan, hân hoan nồng nhiệt, vẫy cờ, hoa đón chào quê hương được giải phóng. Chín năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân Thủy Nguyên đã vượt qua bao gian lao, thử thách và hy sinh to lớn, làm rạng thêm truyền thống Anh hùng của quê hương.